

MỤC LỤC

DANH MỤC SỞ ĐỒ, BẢNG BIỂU	4
PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY.....	6
I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY	6
1. Thông tin cơ bản:	6
2. Ngành nghề kinh doanh:	6
3. Quá trình hình thành và phát triển.	8
4. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty	9
5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017.....	14
6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	23
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	24
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	25
1. Tình hình sử dụng đất đai	25
2. Tài sản cố định chủ yếu của doanh nghiệp.	26
3. Tình hình về tài chính công nợ	30
4. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty.....	31
III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	31
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN	34
1. Khái lược về Phương án cổ phần hóa của Công ty	34
2. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.	36
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	38
4. Phương thức chào bán cổ phần	39
5. Dự toán chi phí cổ phần hóa	43
6. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần	44
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	45
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA.....	47
1. Diện tích đất giữ lại sử dụng	47
2. Diện tích đất trả lại địa phương.....	47
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA	48
1. Cơ hội và thách thức	48

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.	48
2.1. Mục tiêu phát triển sản xuất.....	48
2.2. Định hướng phát triển.	49
2.3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hoá.....	49
3. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa.	51
PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ.....	58
1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt.....	58
2. Đề xuất, kiến nghị.	58
PHẦN VII: KẾT LUẬN	59

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ

Sơ đồ số 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức, quản lý hiện tại của công ty	10
Sơ đồ số 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa.....	38

Bảng biểu

Bảng số 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa	6
Bảng số 2. Doanh thu trước khi cổ phần hóa	17
Bảng số 3. Danh sách nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty	18
Bảng số 4. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2015-2017	20
Bảng số 5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017	22
Bảng số 6. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty	25
Bảng số 7. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2017.....	27
Bảng số 8. Thực trạng phương tiện vận tải của Công ty tại thời điểm 31/12/2017	27
Bảng số 9. Thực trạng máy móc, thiết bị của Công ty tại thời điểm 31/12/2017	29
Bảng số 10. Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2017.....	30
Bảng số 11. Phân loại lao động của Doanh nghiệp	31
Bảng số 12. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2017	32
Bảng số 13. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa	39
Bảng số 14. Dự toán chi phí cổ phần hóa.....	43
Bảng số 15. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần.....	44
Bảng số 16. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa	45
Bảng số 17. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	46
Bảng số 18. Diện tích đất giữ lại sử dụng	47
Bảng số 19. Diện tích đất trả lại địa phương	47
Bảng số 20. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần	50

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

HỆ THỐNG TỪ NGŨ VIẾT TẮT

Công ty	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBND	Ủy ban Nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
CPH	Cổ phần hóa
EMDN	Đổi mới doanh nghiệp
DN	Doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
GTDN	Giá trị Doanh nghiệp
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
CSCC	Chiếu sáng công cộng
QLSC	Quản lý sửa chữa
SHNN	Sở hữu Nhà nước
BCH	Ban Chấp hành

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin cơ bản:

Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUNG YÊN

Tên viết tắt : CÔNG TY MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUNG YÊN

Tên tiếng Anh : HUNG YEN URBAN ENVIRONMENT AND PUBLIC WORKS COMPANY LIMITED

Tên giao dịch : HUNG YEN UREPCO

Trụ sở chính : Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0221 3 867 199

Fax : 0221 3 867 199

Email : moitruongdothihungyen@gmail.com

Mã số thuế : 0900166551

Vốn điều lệ : 158.870.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng)

Hình thức doanh nghiệp : Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đại diện chủ sở hữu là UBND Tỉnh Hưng Yên

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900166551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02/08/2012, thay đổi lần thứ nhất vào ngày 23/04/2015)

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900166551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02/08/2012, thay đổi lần thứ nhất vào ngày 23/04/2015, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng số 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Quản lý và làm vệ sinh môi trường; Quản lý, chăm sóc duy trì vườn hoa, công viên cây xanh	8130 (Chính)
2	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị	3314

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

3	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại các hồ nước trong công viên trên địa bàn thành phố Hưng Yên	0322
4	Hoạt động của trụ sở văn phòng Chi tiết: Quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước và thu tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước nộp ngân sách nhà nước theo quy định	7010
5	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sửa chữa nhà thuộc sở hữu nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng	4330
6	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Quản lý nghĩa trang nhân dân, phục vụ việc tang lễ và cất táng của nhân dân; Quản lý, làm vệ sinh môi trường, quản lý chăm sóc, duy trì vườn hoa, cây xanh và phục vụ tang lễ ngoài thành phố Hưng Yên	9632
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
10	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Vui chơi giải trí	9329
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật	4290
12	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 35kv	4220
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh thương mại cây xanh, cây cảnh	4620
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh vật tư, nguyên liệu máy móc chuyên ngành công trình đô thị và vệ sinh môi trường	4659
15	- Dịch vụ tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hưng Yên và vùng lân cận; - Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty)

Địa bàn hoạt động:

Công ty chủ yếu thực hiện các dịch vụ công ích đô thị như: Thu gom, vận chuyển và xử lý thải sinh hoạt; Quản lý, chăm sóc duy trì vườn hoa, công viên cây xanh; Quản lý, vận hành đèn chiếu sáng công cộng; Quản lý duy trì hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt; Quản lý nghĩa trang và Dịch vụ phục vụ tang lễ trên địa bàn thành phố Hưng Yên. Các hoạt động khác như phát triển mạng lưới cây xanh, tạo cảnh quan môi trường; Lắp đặt hệ thống chiếu sáng, đèn trang trí công cộng đô thị; vận chuyển xử lý rác thải và các dịch vụ khác được phép khai thác trong đăng ký kinh doanh. Công ty mới chỉ phục vụ trên địa bàn toàn thành phố Hưng Yên và một số vùng lân cận, chưa có sự đầu tư mở rộng tới các địa phương khác.

3. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên được chuyển đổi từ Công ty Thị chính Hưng Yên theo Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên. Công ty Thị chính Hưng Yên được thành lập theo Quyết định số 1407/1998/QĐ-UB ngày 01/8/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên (trên cơ sở công ty Xây dựng, quản lý, sửa chữa nhà cửa và công trình công cộng đô thị trước đây).

Ngày 01/08/1998, UBND tỉnh Hưng Yên căn cứ đề nghị của UBND thị xã Hưng Yên và Ban tổ chức chính quyền tỉnh đã thành lập Công ty Thị chính Hưng Yên trên cơ sở Công ty Xây dựng – Quản lý sửa chữa, công trình công cộng đô thị.

Ngày 04/04/2012, UBND tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 512/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty Thị chính Hưng Yên thành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên.

Ngày 20/06/2012, UBND tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 928/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi Công ty Thị chính Hưng Yên thành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên.

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân giàu kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm, uy tín cao, trang thiết bị máy móc đồng bộ có thể thi công nhiều lĩnh vực, công trình cùng một lúc đảm bảo tiến độ, kỹ mỹ thuật và được chủ đầu tư đánh giá cao. Công ty đã và đang hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho và đáp ứng mọi yêu cầu của công việc trong các lĩnh vực hoạt động của công ty.

Nhiều năm liên tục công ty được UBND tỉnh công nhận là đơn vị “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen của các cấp. Đặc biệt công ty được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Ba (năm 2009), Huân chương lao động Hạng Nhì (năm 2013); hai năm liên tục 2016 - 2017 được tặng Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ “Đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ, công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Hưng Yên”.

4. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty

4.1. Tổ chức bộ máy doanh nghiệp

Người quản lý doanh nghiệp

- Chủ tịch Công ty: 01 người;
- Giám đốc: 01 người;
- Phó Giám đốc công ty: 02 người;
- Kiểm soát viên: 01 người;
- Kế toán trưởng: 01 người;

Các phòng nghiệp vụ : gồm 04 phòng

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật;
- Phòng Kế toán – Tài vụ;
- Phòng Kinh doanh – Dịch vụ.

Các đội sản xuất: 9 đội

- Đội Vệ sinh môi trường,
- Đội Quản lý công viên cây xanh,
- Đội Quản lý điện CSSS đô thị; cơ khí,
- Đội Tang lễ,
- Đội Xây dựng, QLSC nhà ở cho thuê thuộc SHNN,
- Đội Nuôi trồng thủy sản,
- Đội Xe cơ giới,
- Đội Kiểm tra quy tắc đô thị; Bảo vệ,
- Đội Thoát nước.

4.2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Đảng bộ công ty gồm có 81 Đảng viên, BCH Đảng bộ gồm 9 đồng chí, đồng chí Chủ tịch Công ty đồng thời là Bí thư Đảng bộ. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.

Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty gồm: Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh; Công đoàn cơ sở; Dân quân tự vệ hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật.

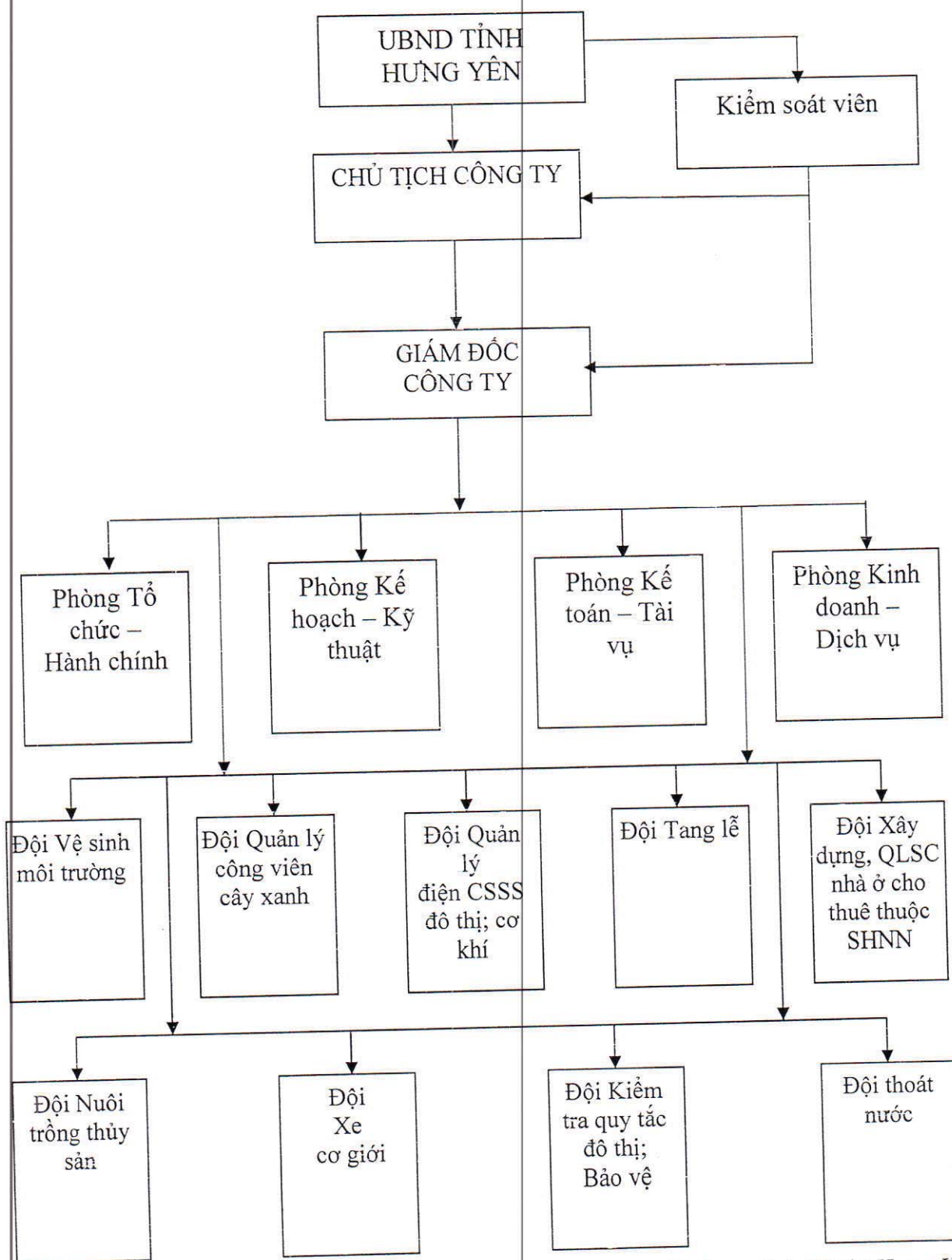
Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị hoạt động theo quy định của pháp luật, cương lĩnh, điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

4.3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy.

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên trước khi cổ phần hóa như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sơ đồ số 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức, quản lý hiện tại của công ty



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

4.5. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể

Chủ tịch Công ty

Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

năm của Công ty sau khi đề nghị và được UBND tỉnh phê duyệt;

- Quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và gửi quyết định đến UBND tỉnh để tổng hợp, giám sát;
- Đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc công ty, Phó Giám đốc công ty;
- Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại Doanh nghiệp khác, việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết sau khi đề nghị và được UBND tỉnh phê duyệt về chủ trương
- Quyết định hoặc ủy quyền cho giám đốc quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan;
- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được UBND tỉnh chấp thuận;
- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty;
- Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quyết định của UBND tỉnh

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

Ban Giám đốc Công ty

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động.

Kiểm soát viên Công ty

- Do UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp UBND tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch công ty và Giám đốc.

Phòng Tổ chức – Hành chính

- Quản lý CB, CNV lao động theo phân cấp quản lý;
- Tham mưu với Ban lãnh đạo bố trí điều động, sử dụng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ;

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Lưu trữ, bảo quản, quản lý hồ sơ CB,CNV-LĐ, quan hệ với các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ.
 - Lập kế hoạch lao động tiền lương, phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng và đề nghị thực hiện quy chế trả lương; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thanh toán tiền lương, tiền công; thống kê báo cáo công tác lao động tiền lương theo quy định. Là ủy viên thường trực của Hội đồng xét duyệt nâng bậc lương, thi nâng bậc thợ của công ty.
 - Thực hiện các thủ tục đảm bảo chế độ, chính sách cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức... đối với người lao động.
 - Phối hợp với Công đoàn chuẩn bị điều kiện, nội dung tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm.
 - Phối hợp với Ban thanh tra nhân dân tổ chức thanh tra, kiểm tra dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.
 - Lập kế hoạch trang cấp Bảo hộ lao động hàng năm; kiểm tra, giám sát việc công nhân thực hiện mang, mặc bảo hộ lao động được trang cấp theo quy định
 - Là ủy viên thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật; lập kế hoạch, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; tham mưu hồ sơ kỷ luật lao động theo quy định.
 - Thực hiện công tác nội chính trong công ty.
- Phòng Kế toán – Tài vụ**
- Tham mưu với Ban lãnh đạo công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí của công ty.
 - Theo dõi quá trình và kết quả sử dụng kinh phí Nhà nước; quá trình và kết quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.
 - Kiểm tra, kiểm soát quá trình thu-chi tài chính; thủ tục thu nộp, thanh toán; kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn của công ty.
 - Cung cấp số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty; lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính của công ty theo quy định.
 - Chủ động việc huy động các nguồn kinh phí để phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.
 - Bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.
 - Hướng dẫn các quy định kế toán, thủ tục chứng từ thanh toán cho các bộ phận liên quan; nghiên cứu, nắm vững các văn bản của nhà nước về quản lý tài chính.
 - Phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả tiết kiệm nguồn lực tài chính, tài sản của công ty.
 - Đề xuất phương hướng, biện pháp quản lý tài chính; đề xuất thay đổi, bổ sung hoàn thiện chế độ tiêu chuẩn, định mức thu-chi; tham mưu xây dựng Quy chế tài chính, Quy chế

chỉ tiêu nội bộ công ty.

- Là ủy viên thường trực công tác kiểm kê, thanh lý tài sản, vật tư; ủy viên Hội đồng xét duyệt nâng lương, thi nâng bậc thợ của công ty.

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

- Tham mưu công tác lập kế hoạch, giao kế hoạch, quản lý và nghiệm thu kế hoạch sản xuất của công ty.
- Tham mưu xây dựng đơn vị dịch vụ công ích đô thị; phối hợp với phòng Kế toán-Tài vụ tham mưu các thủ tục nghiệm thu, thanh toán dịch vụ công ích đô thị theo quy định.
- Xây dựng, bảo vệ các chỉ tiêu kế hoạch và phân bổ kế hoạch cho các đội sản xuất; chịu trách nhiệm về kỹ thuật sản xuất của công ty.
- Tham mưu ký kết các hợp đồng kinh tế có liên quan đến công tác kế hoạch-kỹ thuật, kiểm tra giám sát và đôn đốc thực hiện các hợp đồng đã ký kết.
- Cung ứng vật tư, trang thiết bị, dụng cụ cho các đội sản xuất; bảo quản vật tư, trang thiết bị trong kho.
- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất hàng tháng với Ban lãnh đạo công ty.
- Là ủy viên thường trực Hội đồng nghiệm thu các công trình xây dựng cơ bản; Hội đồng nghiệm thu nội bộ công ty

Phòng Kinh doanh – Dịch vụ

- Tham mưu xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ hàng năm của công ty;
- Nghiên cứu thị trường nâng cao chất lượng, mở rộng các loại hình kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của người dân thành phố và các vùng lân cận.
- Quản lý công tác thu phí vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố.

Đội vệ sinh môi trường

- Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố.
- Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất thường xuyên cũng như đột xuất về công tác vệ sinh môi trường công ty được giao nhiệm vụ.
- Quản lý Khu xử lý chất thải rắn thành phố theo đúng quy trình kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường tới các vùng lân cận.
- Làm tốt công tác tuyên truyền tới nhân dân về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường chung của thành phố

Đội Quản lý Công viên cây xanh

- Quản lý, duy trì, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị, các vườn hoa, công viên, các khu vực đài tưởng niệm, tượng đài, quảng trường trung tâm...
- Ươm trồng cây, hoa đáp ứng nhu cầu trồng cây, hoa của thành phố

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

✚ **Đội Tang lễ**

- Quản lý nghĩa trang nhân dân thành phố gồm nghĩa trang Minh khai và nghĩa trang Chùa Diêu.

- Phục vụ tang lễ, cát táng của nhân dân đảm bảo tận tình, chu đáo

✚ **Đội Điện CSCC đô thị; cơ khí**

- Quản lý, thi công lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, các nút đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố

✚ **Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị; Bảo vệ**

- Kiểm tra, phát hiện đề xuất xử lý kịp thời những trường hợp có hành vi phá hoại, làm mất vệ sinh môi trường đến các công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

- Kiểm tra việc công nhân lao động công ty thực hiện quy trình sản xuất, bảo hộ lao động, các quy định khác của công ty.

✚ **Đội Xe cơ giới**

- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các phương tiện ô tô, thiết bị chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo hiệu quả.

- Phối hợp tốt với các phòng, đội sản xuất trong việc thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ đột xuất của công ty

✚ **Đội xây dựng, quản lý sửa chữa nhà ở cho thuê thuộc sở hữu**

- Xây dựng, sửa chữa các công trình công cộng công ty được giao làm chủ đầu tư.

- Tư vấn: Khảo sát, quy hoạch, giám sát kỹ thuật, đấu thầu các dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

- Quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước và thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nộp ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Sửa chữa nhà thuộc sở hữu Nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng

✚ **Đội Nuôi trồng thủy sản**

- Nuôi trồng thủy sản trên diện tích ao hồ công ty được giao quản lý;

- Thực hiện nghĩa vụ nộp sản theo quy định.

✚ **Đội Thoát nước**

- Quản lý, duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố;

- Dịch vụ tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hưng Yên và vùng lân cận

5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017

5.1. Một số vấn đề cần lưu ý khi tham khảo các số liệu tài chính trong BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 của Công ty.

✚ **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015**

- **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

PHƯƠNG ÁN CỎ PHẢN HÓA

Công ty chưa ghi nhận thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 trong năm 2014 và năm 2015 lần lượt là 979.056.200 đồng và 1.193.312.400 đồng. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 2.172.368.699 đồng.

- Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

✚ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Công ty TNHH MVT Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên chịu trách nhiệm tiếp nhận và tổng hợp số liệu của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên từ ngày 01/07/2016, tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên năm 2016 dùng để hợp cộng là số liệu chưa được kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp cộng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên chưa ghi nhận thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 trong năm 2014, 2015 và năm 2016 lần lượt là 979.056.200 đồng, 1.193.312.400 đồng và 1.518.241.900 đồng. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 3.690.610.599 đồng.

- Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Theo quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên tiếp nhận và tổng hợp số liệu của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016, tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo này dựa trên cơ sở cộng ngang số liệu báo cáo tài chính hai Công ty cho toàn bộ năm tài chính 2016 theo yêu cầu quản lý.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

+ **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**

- **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty thực hiện tiếp nhận tài sản từ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên trong năm 2016 nhưng chưa được nhận bàn giao đầy đủ hồ sơ. Do đó, Công ty chưa cung cấp cho kiểm toán viên toàn bộ hồ sơ này với tổng giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 là 61.309.000.533 VND, giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang là 36.958.312.218 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định mức độ hợp lý của nguyên giá và giá trị khấu hao của các tài sản, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến giá trị tài sản và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ phải trả với giá trị tại ngày 31/12/2017 là 6,7 tỷ đồng là công nợ nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không xác định được mức độ hợp lý của các số dư này, theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, Công ty chưa ghi nhận thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 và Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ trong năm 2017 là 1.339.189.300 đồng. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 1.339.189.300 đồng.

- **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.2. Doanh thu trước khi cổ phần hóa

Bảng số 2. Doanh thu trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.570	97,92	59.745	96,72	58.205	91,23
2	Doanh thu hoạt động tài chính	35	0,07	64	0,10	66	0,10
3	Thu nhập khác	935	2,01	1.964	3,18	5.530	8,67
	Tổng cộng	46.540	100	61.773	100	63.801	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 của Công ty)

5.3. Nguyên vật liệu, vật tư đầu vào

Nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù riêng có của ngành nghề trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công cộng đô thị, hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty được hỗ trợ bởi các xe ô tô, thiết bị, máy móc chuyên dùng như: xe ô tô Ép chõ rác; Xe ô tô quét hút; Xe ô tô tưới nước rửa đường; Xe nâng người làm việc trên cao; Xe container chõ thùng chứa rác... Máy cắt cỏ, máy bơm nước; xe ô tô hút bùn, chõ bùn.... Chiếm tỷ trọng lớn trong nguyên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty là xăng, dầu, điện năng, chế phẩm xử lý rác thải, phân bón, thuốc trừ sâu.... Hiện nay, công ty đang sử dụng ổn định các nguồn nguyên vật liệu sản xuất trong nước sẵn có để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của mình. Ngoài ra đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể, công ty có sử dụng thêm một số vật tư, máy móc thiết bị chuyên ngành:

- Đối với dịch vụ môi trường (thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải):

Xăng, dầu là nhiên liệu chính sử dụng cho máy, thiết bị, ô tô chuyên dùng phục vụ cho việc hoạt động của các phương tiện dùng để thu gom và vận chuyển, xử lý rác thải. Ngoài ra, còn có các vật liệu khác phục vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển như: bình điện, lốp xe, xe gom rác đẩy tay....

Đối với hoạt động xử lý rác thải: công ty hiện đang sử dụng các chế phẩm vi sinh

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

thân thiện với môi trường, có hiệu quả cao dùng cho công tác xử lý gồm: Enchoice, Tocazeo; Roxazeo, Vôi bột.. Rác thải sau khi được xử lý đạt yêu cầu được phủ cát san nền để giảm thiểu độc hại phát tán ra môi trường.

- Đối với dịch vụ quản lý cây xanh và điện chiếu sáng công cộng

Hiện nay, công ty đang quản lý, duy trì gần 40ha diện tích công viên, vườn hoa và các công trình công cộng. Vì thế, công ty luôn chủ động ươm trồng các loại cây giống, hoa kiểng phục vụ cho việc trồng mới, bổ sung hệ thống cây xanh công cộng trên đường phố, phục vụ các dịp lễ hội được tổ chức tại Thành phố. Vật tư được sử dụng trong ươm trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh, vườn hoa là: Phân bón hữu cơ vi sinh; phân khoáng hữu cơ; phân bón lá; thuốc trừ sâu....

Ngoài ra, nước tưới cây, nhiên liệu xăng, dầu sử dụng cho máy cắt cỏ, máy bơm nước tưới cây cũng là nguồn nguyên vật liệu chính để Công ty thực hiện hoạt động duy trì, chăm sóc hệ thống cây xanh công cộng.

- Đối với dịch vụ quản lý điện chiếu sáng công cộng.

Công ty đang quản lý, vận hành, khai thác an toàn hệ thống chiếu sáng công cộng của Thành phố. Ngoài ra công ty còn được UBND thành phố giao chủ đầu tư thực hiện các dự án sửa chữa, lắp đặt mới, cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện chiếu sáng, đèn trang trí công cộng đô thị. Nguyên liệu, vật tư đầu vào chủ yếu để phục vụ cho công tác này là các thiết bị, vật tư điện chuyên dùng như bóng cao áp đèn SON, Đèn LED trang trí, dây điện, tủ điện, dây cáp ngầm...

- Đối với dịch vụ tiêu thoát nước:

Ngoài nguyên vật liệu chính là xăng dầu chạy xe chuyên dùng phục vụ hoạt động duy tu, nạo vét hệ thống cống thoát nước, công ty còn được giao làm chủ đầu tư các công trình nâng cấp, cải tạo, xây dựng hệ thống cống thoát nước đô thị. Nguyên vật liệu, vật tư dùng cho hoạt động này là cát, đá, xi măng, ống cống đúc sẵn, tấm nắp ga gang...

✦ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu, vật tư.

Nhìn chung, các loại nguyên vật liệu, vật tư phục vụ cho hoạt động chính của công ty khá phổ biến, sẵn có trong nước nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị có mức giá phù hợp, nguồn cung ổn định, chất lượng đảm bảo và chủ động được nguyên vật liệu, vật tư trong sản xuất.

Bảng số 3. Danh sách nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, nguyên liệu cung cấp
1	Công ty TNHH Quế Lâm Phương Bắc	Phân bón
2	DN tư nhân thi công cơ giới Thành Lợi	Cát san nền, đá, gạch vỡ
3	Công ty TNHH Xây dựng Minh Tú	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

4	Công ty TNHH ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	Bảo hộ lao động, máy móc, ô tô chuyên dùng
5	Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Nhiên liệu: xăng, dầu, nhớt
6	Điện lực thành phố Hưng Yên	Điện
7	Công ty CP nước sạch Hưng Yên	Nước
8	Công ty CP Thành Giao Miền Bắc- Lam Duy	Chế phẩm xử lý rác
9	Công ty TNHH Môi trường Quảng Đà	
10	Công ty TNHH cây xanh Tân Tiến	Cây, hoa
11	Nhà Vườn Ngọc Tuyết	
12	Công ty TNHH Bê Tông Hoàng Hà	Cống, nắp ga

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

5.4. Chi phí sản xuất

Đối với Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên, với đặc thù là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực phục vụ công cộng đô thị. Đây là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn (trên 90%) trong doanh thu của công ty do UBND thành phố Hưng Yên đặt hàng, giao nhiệm vụ. Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được tỉnh, thành phố giao, mục tiêu của công ty không thể tối đa hóa lợi nhuận.

Chính do điều kiện ngân sách hàng năm đáp ứng ở mức thấp nên dự toán dịch vụ công ích bị cắt giảm nhiều về đơn giá và khối lượng (nhiều công tác chỉ được áp dụng 20-50% đơn giá và tần suất theo quy định), dẫn đến chất lượng một số dịch vụ chưa đạt yêu cầu. Đặc biệt, dự toán được duyệt đều cắt phần chi phí khấu hao máy và lợi nhuận định mức nên công ty không có kinh phí để sửa chữa thiết bị chuyên dùng trong khi xe ô tô chuyên dùng xuống cấp nghiêm trọng, thường xuyên hư hỏng, do đó vấn đề tiết kiệm chi phí, ưu tiên chi trả thu nhập cho người lao động và ổn định sản xuất được Ban lãnh đạo công ty hết sức quan tâm. Công ty đã xây dựng, ban hành và thực hiện định mức tiêu hao nhiên liệu, nguyên vật liệu, quy chế quản lý sử dụng tài sản, công cụ dụng cụ, các quy chế: Nội quy trách nhiệm vật chất; Khoán việc và phân phối tiền lương..., nhằm kiểm soát chi phí một cách hiệu quả, đồng thời động viên người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm, làm việc có chất lượng, hiệu quả cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm.

Đồng thời, cũng vì dự toán dịch vụ công cộng đô thị bị cắt giảm nên lợi nhuận hàng năm của công ty thấp (Lợi nhuận trước thuế qua các năm: Năm 2014: 27,8 triệu đồng; năm 2015: 48 triệu đồng; năm 2016: 438,7 triệu đồng; năm 2017: 95,9 triệu đồng).

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm 2015, 2016, 2017 như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 4. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2015-2017

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	36.628	80,38	50.917	85,23	52.541	90,27
2	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.758	21,41	10.374	17,36	11.123	19,11
4	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
5	Chi phí khác	107	0,23	43	0,07	40	0,07
Tổng cộng chi phí		46.493	102,02	61.334	102,66	63.704	109,45
Doanh thu thuần		45.570	100	59.745	100	58.205	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 của Công ty)

5.5. Trình độ công nghệ

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ ở mức trung bình. Máy móc, thiết bị, xe ô tô chuyên dùng công ty đang sử dụng chủ yếu được nhập khẩu nguyên chiếc của các hãng uy tín: Hino, Hyundai. Tuy nhiên, do đặc thù ngành nghề, các thiết bị chuyên dùng này được sử dụng với cường độ cao, thường xuyên tiếp xúc với chất ăn mòn có trong rác thải, bùn cống nên tuổi thọ máy móc thấp so với thiết kế. Nhiều xe ô tô đã được trang bị, sử dụng nhiều năm đã hết khấu hao nên thường xuyên hư hỏng, chi phí sửa chữa cao.

Để tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu suất làm việc của máy móc, thiết bị, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả sản xuất. Trong thời gian gần đây, Công ty đã nghiên cứu và triển khai áp dụng nhiều giải pháp kỹ thuật, thường xuyên cập nhật công nghệ mới cụ thể như sau:

- Hoạt động đảm bảo vệ sinh môi trường: Đầu tư, sử dụng công nghệ, chế phẩm, hóa chất tiên tiến để xử lý, tiêu hủy chất thải rắn an toàn, hiệu quả về mặt môi trường và tiết kiệm về mặt chi phí. Tăng cường năng lực và cải tiến các thiết bị, phương tiện thu gom vận chuyển rác phù hợp với địa phương như sử dụng xe điện thu gom rác trong các ngõ nhỏ, xe quét rác công suất gọn nhẹ cũng như thực hiện phân loại chất rắn tại nguồn.
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng: Áp dụng khoa học kỹ thuật, kiến nghị với UBND thành phố đầu tư, thay thế hệ thống điện dây đốt bằng các loại đèn chiếu sáng sử dụng công nghệ tiết kiệm điện, hiệu suất chiếu sáng cao; sử dụng công nghệ đóng ngắt, điều khiển tự động nhằm tiết kiệm điện và chi phí nhân công vận hành..

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, cung ứng dịch vụ dựa trên đơn đặt hàng hoặc đấu thầu gói dịch vụ của Nhà nước nên hiện tại Công ty chủ yếu tập trung thực hiện các dịch vụ chính như: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; Quản lý, chăm sóc hệ thống cây xanh, vườn hoa công cộng; Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng; Quản lý, khai thác hệ thống tiêu thoát nước nội thị... và các hoạt động dịch vụ khác.

Ngoài ra, trong những năm trở lại đây, Công ty luôn hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, mở rộng và tìm kiếm thị trường nhằm tạo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động. Trong lĩnh vực chăm sóc cây xanh, Công ty đã có sự tìm hiểu, nghiên cứu để bổ sung thêm các giống cây, hoa mới để đa dạng hóa nguồn cây cảnh trang trí thành phố, mở rộng dịch vụ chăm sóc sân vườn, tạo cảnh quan khuôn viên trụ sở làm việc các cơ quan. Trong lĩnh vực Môi trường: Tích cực khai thác, mở rộng địa bàn vận chuyển, xử lý rác thải ra các địa phương lân cận. Đồng thời, mở rộng thêm một số lĩnh vực khác như phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí tại các công viên, các khu vui chơi giành cho trẻ em trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận...

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng, sản phẩm dịch vụ

Tuy chưa có đăng ký với cơ quan chuyên môn về tiêu chuẩn, chính sách về chất lượng cụ thể nào nhưng Công ty đã thực hiện xây dựng bộ quy chuẩn về quy trình công nghệ, yêu cầu chất lượng đạt được đối với từng dịch vụ. Ban nghiệm thu nội bộ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy trình, quy phạm và cụ thể hóa tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ cung cấp. Ngoài ra, Công ty thành lập đội Kiểm tra, quy tắc đô thị để giám sát việc thực hiện, đảm bảo sự chấp hành các quy định của đơn vị và chất lượng, độ đồng đều và ổn định trong sản phẩm ở tất cả các khu vực do công ty quản lý, thỏa mãn yêu cầu khách hàng, luôn đảm bảo môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên, được các cấp các ngành ghi nhận, đánh giá cao.

5.8. Hoạt động marketing

Do đặc thù là lĩnh vực công ích đô thị, Công ty ít thực hiện việc Marketing, quảng bá hình ảnh trên báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng. Uy tín của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên được xây dựng chủ yếu là nhờ và chất lượng dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm qua các năm.

Dự kiến sau cổ phần hóa, để nâng cao tầm ảnh hưởng, sự hiểu biết của khách hàng đến các dịch vụ của mình, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa về công tác quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như các tờ báo địa phương, kênh truyền hình Hưng Yên, các ấn phẩm của Hiệp hội công ty tham gia thành viên: Môi trường; Chiếu sáng đô thị, thoát nước... Và quảng bá tại các hội chợ, trên các poster trong Thành phố và các khu vực lân cận.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích đô thị, Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng.

5.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ công ích thực hiện theo đơn đặt hàng của cơ quan nhà nước nên ngoài Hợp đồng dịch vụ Công ích đô thị ký với UBND thành phố Hưng Yên hàng năm, hiện nay công ty không có hợp đồng lớn nào.

5.11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017.

Được sự đồng ý của UBND tỉnh Hưng Yên, Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu về cung cấp dịch vụ công ích đô thị trên các lĩnh vực: Đảm bảo vệ sinh môi trường; quản lý, chăm sóc công viên cây xanh; quản lý, duy tu, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng,... tại địa bàn được giao quản lý.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua đạt được những kết quả như sau:

Bảng số 5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. Đồng	112.228	225.442	237.189
2. Vốn chủ sở hữu không bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác	Tr. Đồng	36.199	119.550	147.119
3. Nợ ngắn hạn	Tr. Đồng	3.177	25.562	26.638
4. Nợ dài hạn	Tr. Đồng	-	-	-
5. Tổng số lao động	Người	325	332	379
6. Tổng quỹ lương	Tr. Đồng	21.183	21.224	26.265
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. Đồng	4,5	5,0	5,5
8. Tổng doanh thu	Tr. Đồng	46.540	61.773	63.801
9. Tổng chi phí	Tr. Đồng	46.493	61.334	63.704
10. Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	48	439	96
11. Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	14	309	69
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	0,04	0,26	0,05

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 của Công ty)

6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

6.1. Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp, các ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của công ty. Cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết thống nhất, tự giác trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Hưng Yên đang nằm trong vùng trọng điểm kinh tế của đồng bằng sông Hồng, có nhiều khu công nghiệp và làng nghề. Do đó, công ty có nhiều cơ hội để mở rộng và phát triển việc khai thác các sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị.

Ngoài ra, nhờ sự trang bị các phương tiện, máy móc thiết bị, xe chuyên dụng đầy đủ, đảm bảo yêu cầu công việc đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty tăng cường các hoạt động phục vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Do vậy quyền và chế độ của người lao động được đảm bảo.

6.2. Khó khăn

Khó khăn chung của nền kinh tế trong những năm vừa qua như: chính sách đầu tư công cắt giảm, tiền tệ thắt chặt, lạm phát,... đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, Thành phố Hưng Yên mở rộng địa giới hành chính; hạ tầng đô thị và các công trình công cộng mới được đầu tư và đưa vào sử dụng. Giá trị khối lượng dịch vụ công ích mỗi năm một tăng trong khi đó giá trị dự toán dịch vụ được ngân sách bố trí không tăng tương xứng. Năm 2015 giá trị dự toán được giao là: 45 tỷ đồng, trên tổng giá trị đã lập là: 115,53 tỷ đồng (chỉ đáp ứng được 39%); Năm 2016 giá trị dự toán được giao là: 45 tỷ đồng, trên tổng giá trị đã lập là: 135,365 tỷ đồng (chỉ đáp ứng được 33,24%); Năm 2017 giá trị dự toán được giao là: 45 tỷ đồng, trên tổng giá trị đã lập là: 138,43 tỷ đồng (chỉ đáp ứng được 32,5%); Năm 2018 giá trị dự toán được giao là: 51,5 tỷ đồng, trên tổng giá trị đã lập là: 171,61 tỷ đồng (chỉ đáp ứng được 30%). Hơn nữa Tài sản là xe ô tô chuyên dùng phục vụ sản xuất của công ty hiện nay có 10/18 xe đưa vào sử dụng từ những năm 1998- 2010; 11/18 xe ô tô đã hết khấu hao thường xuyên hư hỏng nên tốn rất nhiều kinh phí để sửa chữa, bảo dưỡng.

Nguồn vốn hạn chế gây khó khăn cho công ty trong việc đầu tư mua sắm các phương tiện, máy móc, thiết bị hiện đại phù hợp để đầu tư cho sản xuất nhằm giảm chi phí nhân công, chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Định mức phí cho sản phẩm, dịch vụ công ích thấp: Hiện nay, cơ chế về giá cả, tiền

lương, giá nguyên vật liệu, xăng dầu,...đều tăng. Trong khi đó, công ty chủ yếu thực hiện các hợp đồng do cơ quan nhà nước giao, mức thu qua hợp đồng ít thay đổi, không linh hoạt với sự biến đổi các chỉ số giá cả của thị trường khiến doanh nghiệp khó khăn trong việc tích lũy vốn để đầu tư cho sửa chữa, bảo dưỡng công trình và duy trì hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Ngoài ra, vấn đề này còn ảnh hưởng đến mức lương chi trả thu nhập cho người lao động.

Ý thức người dân về vấn đề bảo vệ môi trường còn hạn chế, gây khó khăn trong công việc cho công nhân của Công ty. Cây xanh, hoa trên các tuyến đường, công viên bị người dân chặt phá, không có ý thức bảo vệ. Người dân đổ rác bừa bãi trên các vùng đất trống vẫn còn diễn ra thường xuyên. Việc này vừa làm cho môi trường bị ô nhiễm, việc thu gom và xử lý rác thải khó khăn hơn và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

Trụ sở làm việc của công ty tại Số 12, đường Tây Thành chỉ có diện tích đất là 1.337 m², diện tích nhà làm việc và hội trường là 328,96 m², còn lại là nhà kho, nhà để xe nhân viên và ga ra ô tô cho 12 xe chuyên dùng phục vụ sản xuất. Nhiều phòng làm việc chỉ có 15 m² nhưng phải bố trí 4 – 5 nhân viên, điều kiện quá chật chội không đáp ứng được yêu cầu hoạt động của công ty, mặt khác còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong phòng chống cháy nổ.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực công ích, trực thuộc UBND tỉnh Hưng Yên. Công ty đang thực hiện việc thu gom rác và tưới nước rửa các tuyến đường chính trên các tuyến đường phố của Thành phố Hưng Yên. Ngoài ra, Công ty còn phát triển mạng lưới cây xanh, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp cho thành phố. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, tâm huyết và có đầy đủ phương tiện đáp ứng yêu cầu cung ứng các dịch vụ công ích tại địa phương, đảm bảo chất lượng, khối lượng công việc, có uy tín khách hàng. Trong những năm qua, Công ty đã không ngừng phấn đấu để tồn tại và phát triển, công ty nhiều năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chính quyền được công nhận vững mạnh, cơ quan đơn vị văn hóa, Công ty được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Ba năm 2009; Năm 2013 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Nhì; Năm 2016, 2017 được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc, năm 2018 công ty tiếp tục đăng ký phấn đấu được tặng Huân chương lao động hạng Nhất. Các tổ chức đoàn thể nhiều năm liên tục đạt vững mạnh, được các cấp các ngành tặng Cờ, Bằng khen, Giấy khen.

Xét về quy mô, năng suất lao động, sản phẩm, mức độ đầu tư vào công nghệ, trình độ quản lý, sản xuất, số lượng người lao động và quy mô vốn thì vị thế của công ty khá tương đồng với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực tại các địa phương.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Cùng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, đạt được sự phát triển đồng bộ về kinh tế và xã hội, các dịch vụ công cộng như vệ sinh môi trường, duy tu, cải tạo cảnh quan đô thị ngày càng được chú trọng.

Việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ công cộng đòi hỏi các công ty phải có nguồn vốn mạnh và bền vững, do đó các Công ty trong ngành cần có chính sách thu hút vốn đầu tư từ các nguồn khác ngoài ngân sách Nhà nước để thực hiện. Với các chính sách của Chính phủ ngày càng thông thoáng tạo điều kiện hỗ trợ và khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng tham gia vào lĩnh vực này.

Trong những năm tới, khi tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, dân cư đông đúc hơn nên công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công ích tiếp tục là một ngành nghề nhiều tiềm năng phát triển.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Qua vị trí, nhiệm vụ chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên và định hướng phát triển lĩnh vực môi trường và dịch vụ đô thị đến năm 2020, cũng như định hướng phát triển, mở rộng thành phố Hưng Yên thành đô thị loại II ở những năm tiếp theo thì nhu cầu về dịch vụ công cộng đô thị ngày càng cao. Với chiến lược hoạt động kinh doanh gắn với mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội, hoạt động của công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, đây được coi là động lực và yếu tố thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới sau khi chuyển sang công ty cổ phần.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tình hình sử dụng đất đai

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên đang quản lý và sử dụng 05 khu đất với tổng diện tích là 303.199,30 m², cụ thể như sau:

Bảng số 6. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời gian bắt đầu sử dụng	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng
1	Khu đất tại phường Quang Trung Số nhà 12, đường tây Thành, Phường	1.329,4	28/1/1997	Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trụ sở làm việc Công ty	Nhà nước giao đất không thu tiền sử

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	Quang Trung, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên					dụng đất
2	Khu đất tại phường Hiến Nam, phường Lê Lợi, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	123.633	1993	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 122/QĐ-UB ngày 15/09/1993; - QĐ số 200/QĐ-UB ngày 05/11/1993; - Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 	Nuôi trồng thủy sản và làm bãi rác An Vũ	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
3	Khu đất tại các xã Trung Nghĩa, Bảo Khê và phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	120.634	2007	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 1852/QĐ-UBND ngày 06/10/2007; - Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
4	Khu Nghĩa trang nhân dân thành phố thuộc phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	17.799	Không xác định	- Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xây dựng nghĩa trang thành phố	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
5	Khu Nghĩa trang nhân dân thành phố thuộc phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	39.803,9	Không xác định	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 406/QĐ-UBND ngày 04/03/2005; - Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 	Xây dựng nghĩa trang thành phố	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	303.199,3				

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm ngày 31/12/2017)

2. Tài sản cố định chủ yếu của doanh nghiệp.

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2017 như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 7. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị: đồng

T T	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ CẦN DÙNG	169.611.070.907	106.227.262.513	412.533.295.622	233.169.755.312
I	Tài sản cố định hữu hình	169.611.070.907	106.227.262.513	412.533.295.622	233.169.755.312
1	Nhà, vật kiến trúc	142.588.507.225	97.178.580.316	385.510.731.940	217.812.922.790
2	Máy móc thiết bị	5.345.980.500	3.579.720.138	5.345.980.500	3.947.167.625
3	Phương tiện vận tải	21.676.583.182	5.468.962.059	21.676.583.182	11.409.664.897
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG CHỜ THANH LÝ	3.060.232.849	527.873.368	3.060.232.849	527.873.368
I	TSCĐ hữu hình	3.060.232.849	527.873.368	3.060.232.849	527.873.368
1	Nhà, vật kiến trúc	1.331.493.962	527.006.494	1.331.493.962	527.006.494
2	Máy móc thiết bị	461.449.787	866.874	461.449.787	866.874
3	Phương tiện vận tải	1.142.332.200	-	1.142.332.200	-
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	124.956.900	-	124.956.900	-
C	TÀI SẢN NHẬN GIỮ HỘ	278.605.338.889	58.889.085.151	278.605.338.889	58.889.085.151
I	TSCĐ hữu hình	278.605.338.889	58.889.085.151	278.605.338.889	58.889.085.151
1	Nhà cửa vật kiến trúc	165.803.102.921	11.321.455.279	165.803.102.921	11.321.455.279
2	Máy móc thiết bị	83.090.588.552	35.813.752.446	83.090.588.552	35.813.752.446
3	Tài sản cố định hữu hình khác	10.024.499.940	8.966.484.867	10.024.499.940	8.966.484.867
4	Súc vật, vườn cây lâu năm	19.687.147.476	2.787.392.559	19.687.147.476	2.787.392.559
	TỔNG CỘNG	451.276.642.645	165.644.221.033	694.198.867.360	292.586.713.831

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm ngày 31/12/2017)



Phương tiện vận tải

Bảng số 8. Thực trạng phương tiện vận tải của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng (chiếc)	Số liệu theo sổ sách kế toán		Số liệu xác định lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô ép chở rác	01	418.181.818	-	418.181.818	125.454.545

PHƯƠNG ÁN CỐ PHẦN HÓA

	Huynh rai BKS 89C - 059.68					
2	Xe ô tô chở thi Hải BKS 89B - 005.86	01	348.320.000	-	348.320.000	139.328.000
3	Xe ô tô thang điện BKS 89C - 056.45	01	453.690.500	-	453.690.500	181.476.200
4	Xe ô tô tưới rửa đường BKS 89C - 057.50	01	286.000.000	-	286.000.000	145.860.000
5	Xe ép chở rác Hino BKS 89C - 053.68	01	524.160.000	-	524.160.000	199.180.800
6	Xe ô tô hút phân Huyn dai BKS 89C - 057.54	01	763.636.364	-	763.636.364	282.545.455
7	Xe ô tô ép rác Hino 7,5 tấn BKS 89C - 055.61	01	725.000.000	-	725.000.000	290.000.000
8	Xe ô tô Quét Hút 6m3 BKS 89C - 058.01	01	2.200.590.000	-	2.200.590.000	990.265.500
9	Xe ô tô Hooklij + 10 thùng chứa rác BKS 89C - 059.03	01	3.421.000.000	-	3.421.000.000	1.436.820.000
10	Xe ô tô Thang nâng sửa chữa điện BKS - 056.53	01	2.295.095.000	-	2.295.095.000	1.032.792.750
11	Xe ô tô Huyn dai County phục vụ tang lễ BKS 89M - 001.80	01	1.299.997.500	428.671.314	1.299.997.500	740.998.575
12	Xe ô tô cuốn ép chở rác đóng chiếc mới Hino BKS 89C - 063.19	01	2.048.000.000	995.555.572	2.048.000.000	1.269.760.000
13	Xe ô tô cuốn ép chở rác 14m3 BKS 89C - 093.64	01	1.990.000.000	1.253.557.345	1.990.000.000	1.452.700.000
14	Xe ô tô 4 chỗ BKS 89B - 2268	01	322.963.400	42.720.848	332.963.400	126.526.092
15	Xe ô tô hút bùn BKS cũ 89L - 1700 (BKS mới 89C - 151.75)	01	2.480.342.000	1.662.620.004	2.480.342.000	1.662.620.004

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

16	Xe ô tô chở bún BKS cũ 89M – 000.02 (BKS mới 89C – 151.99)	01	1.281.435.000	869.358.176	1.281.435.000	869.358.176
17	Xe ô tô tải chở NVL 1,25 tấn BKS cũ 89M – 000.94 (BKS mới 89C – 150.76)	01	258.171.600	216.478.800	258.171.600	216.478.800
18	Xe ô tô Corolla altis 1.8 BKS 89B – 1889 (được bàn giao từ Thành Ủy năm 2017)	01	550.000.000	-	550.000.000	247.500.000
	Tổng cộng		21.676.583.182	5.468.962.059	21.676.583.182	11.409.664.897

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV

Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm ngày 31/12/2017)

Máy móc, thiết bị

Bảng số 9. Thực trạng máy móc, thiết bị của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Thiết bị, dụng cụ quản lý		290.380.500	87.179.727	290.380.500	188.422.625
1	Laptop Apple Macbook MGX82	1 chiếc	35.000.000	4.045.706	35.000.000	22.750.000
2	Bàn ghế Salon gỗ Đài Loan	1 chiếc	39.000.000	5.102.161	39.000.000	25.350.000
3	Tủ ngăn phòng làm việc	1 chiếc	59.130.500	28.420.799	59.130.500	38.434.825
4	Bàn họp gỗ vơ nia giữa có rãnh để hoa	1 chiếc	30.000.000	19.291.658	30.000.000	19.500.000
5	Máy in laser HP Pro M706N	1 chiếc	32.470.000	-	32.470.000	20.780.800
6	Máy photocopy Sharp MX-M503N	1 chiếc	94.780.000	30.319.403	94.780.000	61.607.000

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

II	Máy móc thiết bị		4.504.600.000	3.275.838.346	4.504.600.000	3.431.975.000
8	Máy ủ bánh xích Model B10M0900E	1 chiếc	2.523.000.000	1.790.879.464	2.523.000.000	1.917.480.000
9	Máy xúc đào bánh lốp	1 chiếc	1.663.000.000	1.293.742.482	1.663.000.000	1.313.770.000
10	Cụm tời bùn công	2 bộ	190.600.000	114.617.396	190.600.000	119.125.000
11	Cụm tời bùn công	1 bộ	128.000.000	76.599.004	128.000.000	81.600.000
III	TSCĐ hữu hình khác		551.000.000	216.702.065	551.000.000	326.770.000
12	Thùng chứa rác kiểu nắp trượt 10m ³	3 chiếc	297.000.000	166.543.548	297.000.000	175.230.000
13	Đoàn tàu nữ hoàng	1 chiếc	141.000.000	27.831.879	141.000.000	83.190.000
14	Đu quay ngựa quay tròn	1 chiếc	58.000.000	11.459.690	58.000.000	34.800.000
15	Lâu đài hơi	1 chiếc	55.000.000	10.866.948	55.000.000	33.550.000
	Tổng cộng		5.345.980.500	3.579.720.138	5.345.980.500	3.947.167.625

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm ngày 31/12/2017)

3. Tình hình về tài chính công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Bảng số 10. Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

❖ Vốn chủ sở hữu	147.118.569.944
Trong đó:	
- Vốn góp của chủ sở hữu	116.995.963.313
- Quỹ đầu tư phát triển	4.470.942
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	292.902.336

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	29.825.233.353
❖ Các khoản phải thu	16.431.974.854
- Phải thu ngắn hạn	16.431.974.854
- Phải thu dài hạn	-
❖ Nợ phải trả	26.637.504.547
- Nợ ngắn hạn	26.637.504.547
- Nợ dài hạn	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)

4. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2017) là **379 người**.

Bảng số 11. Phân loại lao động của Doanh nghiệp

TT	Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	379	100%
1	Trình độ Đại học và trên đại học	65	17,15%
2	Trình độ cao đẳng	7	1,85%
3	Trình độ trung cấp	4	1,05%
4	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	303	79,95%
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	379	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	6	1,58%
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	365	96,31%
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	8	2,11%
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	0	0%
III	Phân loại theo giới tính	381	100%
1	Nam	190	50,13%
2	Nữ	189	49,87%

(Nguồn: Phương án lao động Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

- Tổng Giá trị thực tế doanh nghiệp theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017: **177.772.232.903 đồng**. Trong đó:
- + Nợ thực tế phải trả: 26.637.504.547 đồng

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- + Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp: 151.134.728.356 đồng.
- **Tổng Giá trị thực tế doanh nghiệp theo số liệu xác định lại tại thời điểm 31/12/2017: 306.129.475.011 đồng. Trong đó:**
- + Nợ thực tế phải trả: 26.637.504.547 đồng
- + Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp: 279.491.970.464 đồng

Bảng số 12. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>(4)=(3)-(2)</i>
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	177.772.232.903	306.129.475.011	128.357.242.108
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	150.934.922.630	279.292.164.738	128.357.242.108
<i>1</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>106.227.262.513</i>	<i>233.169.755.312</i>	<i>126.942.492.799</i>
a	TSCĐ hữu hình	106.227.262.513	233.169.755.312	126.942.492.799
-	Nhà, vật kiến trúc	97.178.580.316	217.812.922.790	120.634.342.474
-	Máy móc thiết bị	3.579.720.138	3.947.167.625	367.447.487
-	Phương tiện vận tải	5.468.962.059	11.409.664.897	5.940.702.838
b	TSCĐ vô hình	-	-	-
2	Tài sản dở dang dài hạn	42.915.722.018	42.915.722.018	-
-	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	42.915.722.018	42.915.722.018	-
3	Tài sản dở dang dài hạn	1.791.938.099	3.206.687.408	1.414.749.309
-	Chi phí trả trước dài hạn	1.791.938.099	3.206.687.408	1.414.749.309
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	26.837.310.273	26.837.310.273	-
1	Tiền	10.395.997.979	10.395.997.979	-
-	Tiền mặt tồn quỹ	2.114.161.525	2.114.161.525	-
-	Tiền gửi ngân hàng	8.281.836.454	8.281.836.454	-
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	16.431.974.854	16.431.974.854	-
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.617.985.283	6.617.985.283	-
-	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.953.645.815	1.953.645.815	-
-	Phải thu ngắn hạn khác	7.860.343.756	7.860.343.756	-
4	Hàng hóa tồn kho	8.660.500	8.660.500	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	676.940	676.940	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>(4)=(3)-(2)</i>
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG CHỜ THANH LÝ	527.873.368	527.873.368	-
I	Tài sản cố định	527.873.368	527.873.368	-
1	Nhà cửa vật kiến trúc (NG: 1.331.493.962 đồng)	527.006.494	527.006.494	
2	Máy móc thiết bị (NG: 461.449.787 đồng)	866.874	866.874	-
3	Phương tiện vận tải (NG: 1.142.332.200 đồng)	-	-	-
4	Thiết bị dụng cụ quản lý (NG: 124.956.900 đồng)	-	-	-
C	TÀI SẢN NHẬN GIỮ HỘ	58.889.085.151	58.889.085.151	-
1	Nhà cửa vật kiến trúc	11.321.455.279	11.321.455.279	-
2	Máy móc thiết bị	35.813.752.446	35.813.752.446	-
3	Tài sản cố định hữu hình khác	8.966.484.867	8.966.484.867	-
4	Súc vật, vườn cây lâu năm	2.787.392.559	2.787.392.559	-
D	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C) Trong đó:	237.189.191.423	365.546.433.530	128.357.242.108
E	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	177.772.232.903	306.129.475.011	128.357.242.108
E1	Nợ thực tế phải trả	26.637.504.547	26.637.504.547	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
G	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [E-(E1+E2)]	151.134.728.356	279.491.970.464	128.357.242.108

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm ngày 31/12/2017)

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

1. Khái lược về Phương án cổ phần hóa của Công ty

1.1. Căn cứ pháp lý cổ phần hóa

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo sắp xếp, đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước và Tổ chuyên giúp việc;
- Căn cứ Công văn số 2080/TTg-ĐMDN ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015 – 2016;
- Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2015-2016;
- Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên;
- Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/01/2016 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty;
- Quyết định số 06/QĐ-BCĐ ngày 12/01/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa – Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng yên về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty;
- Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;

- Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 31/07/2018 của UBND Tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;

- Biên bản về việc thẩm định chốt thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước của CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;

- Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt phương án sử dụng lao động, chế độ lao động dôi dư đối với Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

1.2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên nhằm đạt được mục tiêu và ý nghĩa sau đây:

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo hướng Xã hội chủ nghĩa của Nhà nước. Trong đó, cổ phần hóa là nội dung quan trọng để chuyển đổi những Công ty 100% vốn Nhà nước sang loại hình Doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động các nguồn vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

- Tạo điều kiện huy động vốn từ nhiều nguồn để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển Doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và các cổ đông Công ty trở thành người chủ thực sự của Doanh nghiệp. Tăng cường sự giám sát của Nhà đầu tư đối với Doanh nghiệp, minh bạch hóa hoạt động của Doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, Doanh nghiệp, Nhà đầu tư và Người lao động.

- Không ngừng phát triển Doanh nghiệp về mọi mặt nhằm nâng cao giá trị cổ phần, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước góp phần tăng trưởng nền kinh tế của đất nước.

1.3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND Tỉnh Hưng Yên và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

1.4. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là: **Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp**

2. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

2.1. Thông tin doanh nghiệp.

Tên Công ty viết bằng : Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hưng
tiếng Việt Yên
Tên Công ty bằng tiếng : Hung Yen Urban Environment and Public Works Joint
Anh Stock Company
Trụ sở chính : Số 12, đường Tây Thành, Phường Quang Trung, Thành
phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại : 0221 3 867 199
Fax : 0221 3 867 199
Email : moitruongdothihungyen@gmail.com

2.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa :

Ngành nghề kinh doanh công ích:

- Quản lý và làm vệ sinh môi trường;
- Quản lý, duy trì vườn hoa, công viên cây xanh;
- Quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại các hồ nước trong công viên trên địa bàn thành phố

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Hung Yên;

- Quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước và thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nộp ngân sách Nhà nước theo quy định;
- Sửa chữa nhà thuộc sở hữu Nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân, phục vụ tang lễ và cất táng của nhân dân.
- Dịch vụ tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hưng Yên và vùng lân cận.

Ngành nghề kinh doanh ngoài công ích:

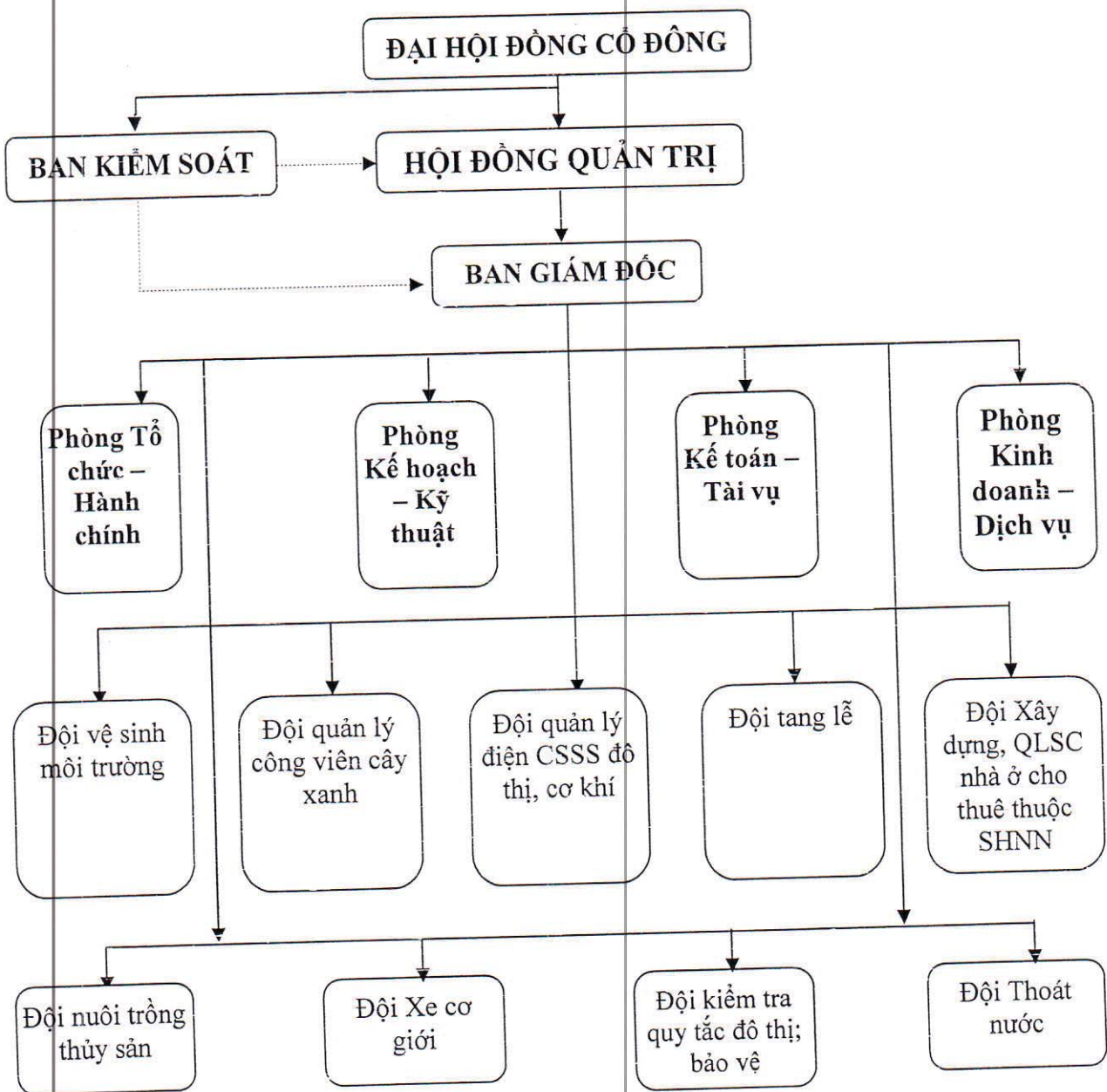
- Quản lý, làm vệ sinh môi trường, quản lý chăm sóc, duy trì vườn hoa, cây xanh và phục vụ tang lễ ngoài thành phố Hưng Yên.
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, vui chơi giải trí;
- Xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 kv;
- Kinh doanh thương mại cây xanh, cây cảnh, vật tư nguyên liệu, máy móc chuyên ngành phục vụ công cộng đô thị, vệ sinh môi trường;
- Tư vấn: Khảo sát, quy hoạch, giám sát kỹ thuật, đấu thầu các dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

2.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên HĐQT
- Ban Giám đốc: 03 thành viên, gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng BKS, 02 thành viên BKS
- Các phòng: 04 phòng ban, gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, Phòng Kế toán – Tài vụ, Phòng Kinh doanh – Dịch vụ.
- Các Đội: 9 đội, bao gồm: Đội Vệ sinh môi trường, Đội Quản lý công viên cây xanh, Đội Quản lý điện CSCC đô thị - Cơ khí, Đội Tang lễ, Đội Xây dựng - QLSC nhà ở cho thuê thuộc SHNN, Đội Nuôi trồng thủy sản, Đội Xe cơ giới, Đội Kiểm tra quy tắc đô thị - Bảo vệ, Đội Thoát nước.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sơ đồ số 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1. Quy mô vốn điều lệ:

Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp theo sổ sách kế toán là: 151.134.728.356 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, một trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng)

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.
- Quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: “Căn cứ giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp cổ phần hóa và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các năm sau khi chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định quy mô vốn điều lệ”

Công ty chọn hình thức cổ phần hóa là **Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp**

- Vốn điều lệ: 151.134.720.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, một trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)
- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 15.113.472 cổ phần

3.2. Cơ cấu vốn điều lệ:

Bảng số 13. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	7.405.601	74.056.010.000	49%
2	Bán cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:	756.900	7.569.000.000	4,92%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	488.400	4.884.000.000	3,23%
2.2	Cổ phần bán cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	255.000	2.550.000.000	1,69%
3	Cổ phần tổ chức Công đoàn	0	0	0%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác	6.964.471	69.644.710.000	46,08%
	Tổng Cộng	15.113.472	151.134.720.000	100%

4. Phương thức chào bán cổ phần

4.1. Cổ phần bán cho người lao động

- ✚ Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Căn cứ khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: *người lao động*

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 6.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2017), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: 379 lao động. Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại : 379 lao động
thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn : 366 lao động
thời gian làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: : 13 lao động
- Tổng số CBCNV đăng ký mua cổ phần : 366 người (Có phụ lục kèm theo)
ưu đãi
- Tổng số cổ phần mua theo thời gian làm : 488.400 cổ phần tương đương giá trị
việc trong khu vực nhà nước 4.884.000.000 đồng tính theo mệnh giá
chiếm 3,23% vốn điều lệ CTCP
- Giá bán : 6.000 đồng/cổ phần
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ
phần ưu đãi.

Bán cổ phần cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định như sau:

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

- a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

ngành nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

Ngày 15/09/2018, Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động để phổ biến tới người lao động chính sách mua cổ phần của người lao động và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi. Phương án mua thêm cổ phần đối với Người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần như sau:

❖ **Tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao**

Người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao là Người lao động đáp ứng đủ cả 03 tiêu chí sau:

1. Lao động là Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty, các Phó giám đốc công ty, Kiểm soát viên công ty, Kế toán trưởng công ty; Trưởng, phó các phòng nghiệp vụ; đội trưởng, đội phó các đội sản xuất.
2. Người lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên.
3. Có số năm công tác tại công ty từ 02 năm trở lên

❖ **Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP của người lao động như sau:**

- Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần 355 người
 - Số lao động đăng ký mua cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP : 254 người
 - Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo số năm cam kết. 255.000 cổ phần – tương đương giá trị 2.550.000.000 đồng tính theo mệnh giá chiếm 1,69% vốn điều lệ CTCP
- Trong đó:
- + Số cổ phần Người lao động thông thường mua cam kết (mỗi năm cam kết được mua tối đa 200 cổ phần) : 200.000 cổ phần, tương đương giá trị 2.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá, chiếm 1,32% vốn điều lệ CTCP
 - + Số cổ phần Người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao mua cam kết (mỗi : 55.000 cổ phần, tương đương giá trị 550.000.000 đồng tính theo mệnh giá, chiếm 0,37% vốn điều lệ CTCP

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

năm cam kết được mua tối đa 500 cổ phần)

- Giá bán : Giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định (mua theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần) là: 743.400 cổ phần, tương đương 7.434.000.000 đồng tính theo mệnh giá – chiếm 4,92% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa của UBND tỉnh Hưng Yên.

4.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, “*Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ*”. Tuy nhiên, kinh phí của Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

4.3. Cổ phần chào bán ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu giá : **6.950.971** cổ phần - tương đương giá trị 69.509.710.000 đồng tính theo mệnh giá chiếm 45,99% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá khởi điểm dự kiến : **18.777 đồng/cổ phần** (Theo Chứng thư thẩm định giá số 768-18/CT-ĐG/ĐG-VAE ngày 13/12/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam)
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá cổ phần : **Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**
Tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần : **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)**
- Thời gian bán đấu giá : Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Yên về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá.

- Đối tượng tham gia đầu : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

5. Dự toán chi phí cổ phần hóa

Bảng số 14. Dự toán chi phí cổ phần hóa

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Chi phí trực tiếp	34.000.000	
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về CPH doanh nghiệp	4.000.000	
2	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp (3 số báo liên tiếp của 01 tờ báo TW và 3 số báo liên tiếp của 01 tờ báo địa phương)	20.000.000	
3	Chi phí văn phòng phẩm, in ấn tài liệu phục vụ CPH tại DN	10.000.000	
II	Chi phí thuê đơn vị tư vấn	904.800.000	
1	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản Công ty	195.800.000	
2	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị của Bộ phận thoát nước	120.000.000	
3	Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa	20.000.000	
4	Chi phí lập phương án CPH, xây dựng Điều lệ	50.000.000	
5	Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm để bán cổ phần	44.000.000	
6	Chi phí thuê tư vấn xây dựng hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu	40.000.000	
7	Chi phí bán cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	300.000.000	(*)
8	Chi phí thuê Đơn vị dịch thuật công chứng (Dịch thuật công chứng bản CBTT bằng Tiếng Anh)	5.000.000	
9	Chi phí thuê Đơn vị tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập	40.000.000	
10	Chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm	90.000.000	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	chính thức chuyển thành công ty cổ phần		
III	Thù lao cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc CPH	87.200.000	(Đã thực hiện chi trả năm 2017)
IV	Chi phí khác liên quan đến cổ phần hóa	24.000.000	
	Tổng cộng	1.050.000.000	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

()0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá và tối thiểu là 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá.*

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, chi tiết như sau:

Bảng số 15. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá trị (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp theo sổ sách kế toán	(1)		151.134.728.356
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	15.113.472	151.134.720.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		7.405.601	74.056.010.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm	(2a)	00	00
Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, bán đấu giá		7.707.871	77.078.710.000
Tiền thu được từ bán cổ phần	(3) = (4) + (5) + (6)		138.490.406.967
Bán cho CBCNV	(4) = a1 + a2	743.400	7.718.535.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước (6.000 đồng/CP)	a.1	488.400	2.930.400.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần (18.777 đồng/CP)	a.2	255.000	4.788.135.000

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bán cho công đoàn	(5)	0	0
Bán đấu giá lần đầu (Giá định: bán đấu giá thành công toàn bộ số cổ phần chào bán với giá 18.777 đồng/cổ phần)	(6)	6.964.471	130.771.871.967
Giá trị chênh lệch vốn nhà nước tại Doanh nghiệp theo sổ sách kế toán và Vốn Điều lệ CTCP	(7) = (1) – (2)		8.356
Chi phí cổ phần hóa	(8)		1.050.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(9)		917.091.651
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN khi CPH	(10) = (3) + (7) – (8) – (9) – (2a)		136.523.323.672

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến phương án sắp xếp lại lao động khi cổ phần hóa công ty như sau:

Bảng số 16. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số (người)	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	379	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	6	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	373	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	365	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	8	
	- LĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0	
II	Số lao động nghỉ việc tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	10	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Nội dung	Tổng số (người)	Ghi chú
III	Số lao động nghỉ việc theo chế độ thôi việc	14	
IV	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	355	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	355	
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH	0	
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	0	
5	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	0	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

Bảng số 17. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	355	100%
1. Phân theo trình độ lao động	355	100%
- Trình độ Đại học và trên đại học	65	18,31%
- Trình độ cao đẳng	7	1,97%
- Trình độ trung cấp	4	1,13%
- Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	279	78,59%
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	355	100%
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	0	0%
Lao động làm việc theo HĐLĐ	355	100%
- HĐLĐ không thời hạn	347	97,75%
- HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	8	2,25%
- HĐLĐ theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	0%
3. Phân theo giới tính	355	100%
- Nam	174	49,01%
- Nữ	181	50,99%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên)

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Diện tích đất giữ lại sử dụng

Bảng số 18. Diện tích đất giữ lại sử dụng

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Khu đất tại phường Quang Trung	1.329,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trụ sở cơ quan	Đến ngày 28/01/2047
2	Khu xử lý chất thải rắn tại các xã Trung Nghĩa, Bảo Khê và phường An Tảo, thành phố Hưng Yên	120.184	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất bãi thải, xử lý chất thải	Đến ngày 06/10/2057
3	Khu nghĩa trang nhân dân Thành phố thuộc phường Minh Khai	17.799	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đến ngày 15/10/2043
4	Khu nghĩa trang nhân dân thành phố thuộc phường An Tảo	39.803,9	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đến ngày 04/3/2055
	Tổng	179.116,3			

(Nguồn: Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên)

2. Diện tích đất trả lại địa phương

Bảng số 19. Diện tích đất trả lại địa phương

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Trong đó (ha)		
			Đôi ra do thu hẹp nhiệm vụ	Không sử dụng	Đất có tranh chấp, lấn chiếm
1	Khu đất tại các phường Hiến Nam, Lê Lợi	123.633	-	123.633	-
	Tổng	123.633		123.633	

(Nguồn: Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên)

**PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM
SAU CỔ PHẦN HÓA**

1. Cơ hội và thách thức

Cơ hội

Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội

Thách thức

Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, Công ty đã được thành lập và hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.

Hiện nay, xu hướng công nghiệp phát triển mạnh ở các khu vực lân cận đã thu hút số lượng lớn lao động phổ thông, điều này gây khó khăn cho công ty trong việc huy động lao động thực hiện cho công việc trong từng giai đoạn sản xuất kinh doanh, làm tăng chi phí thuê nhân công ngoài.

2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.

2.1. Mục tiêu phát triển sản xuất

- Xây dựng Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác. Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.
- Rà soát lại tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty để có giải pháp kịp thời tiếp tục phát huy các ngành nghề sẵn có đã và đang đem lại hiệu quả như: vệ sinh đô thị, lắp đặt hệ thống công trình chiếu sáng công cộng, duy trì chăm sóc cây xanh, tạo cảnh quan xanh-sạch-đẹp cho thành phố.

2.2. Định hướng phát triển.

Sau khi Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ tập trung vào các lĩnh vực chính mà Công ty đang hoạt động. Cụ thể như sau:

- Củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Thành phố Hưng Yên. Sau khi hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, công ty chủ động xây dựng kế hoạch phát triển, kinh doanh phù hợp với tình hình Công ty và địa phương. Tích cực nghiên cứu các ứng dụng, đổi mới công nghệ tiên tiến thay thế dần các thiết bị đã lỗi thời, lạc hậu, cải tiến máy móc thiết bị và hình thức phục vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố lại tổ chức các đội sản xuất để chuyên môn hóa hoạt động, nâng cao sức cạnh tranh và đảm bảo phục vụ tốt hơn nhu cầu dịch vụ công ích của Thành phố.
- Bên cạnh hoạt động chính là cung ứng dịch vụ công ích đô thị, Công ty định hướng tiếp tục phát triển toàn diện về mọi mặt, tập trung xây dựng kế hoạch sử dụng vốn đầu tư hợp lý và có những chính sách thu hút các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước tham gia để mở rộng quy mô hoạt động. Công ty dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động ra và tầm ảnh hưởng ra các vùng lân cận, không chỉ tập trung tại khu vực thành phố Hưng Yên. Ngoài ra, Công ty đẩy mạnh hoạt động Marketing để quảng bá cho các hoạt động, chú trọng việc phát triển thêm các ngành nghề mới ngoài các ngành nghề chính hiện nay để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động công ích đô thị nhất là khi Công ty phải đấu thầu cạnh tranh các gói thầu dịch vụ công ích với các đơn vị khác. Công ty định hướng sẽ tiếp tục phát triển dịch vụ duy trì và chăm sóc, cung ứng cây xanh, hoa cây cảnh cho các hộ dân và địa phương lân cận; nghiên cứu đưa vào hoạt động dịch vụ vệ sinh công sở, gia đình; kinh doanh thiết bị chuyên ngành vệ sinh môi trường, thi công lắp đặt các công trình đèn chiếu sáng công cộng.

2.3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hoá

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 20. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch				
			Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	151.135	151.135	151.135	151.135	151.135
2	Tổng số lao động	Người	385	400	420	450	480
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	29.560	31.326	33.879	37.388	41.077
4	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr.đồng	6,40	6,53	6,72	6,92	7,13
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	66.636	67.968	71.367	74.935	78.682
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	66.594	67.925	71.322	74.888	78.632
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	42,08	43,34	44,64	45,98	47,36
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	33,66	34,67	35,71	36,78	37,88
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/mệnh giá	-	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên)

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

(*) Thuyết minh chỉ tiêu “Vốn Điều lệ” sau cổ phần hóa

Vốn điều lệ công ty Cổ phần được xác định là Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2017) đã được công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam xác định trong chứng thư Thẩm định giá số 458-18/BB-ĐG-VAE.

(*) Thuyết minh chỉ tiêu “Tổng số lao động” sau cổ phần hóa

Theo Phương án lao động đã được phê duyệt tại Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên, số lao động được chuyển sang làm việc tại công ty Cổ phần là 385 người. Để đáp ứng việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần trên cơ sở khối lượng các loại hình dịch vụ công ích đô thị tăng hàng năm, dự kiến kể từ sau năm 2019 tuyển dụng số lao động làm việc trong công ty tăng trung bình mỗi năm từ 3% đến 5%.

(*) Thuyết minh chỉ tiêu “Tổng doanh thu” sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu từ dịch vụ công ích đô thị	46.615	47.547	49.925	52.421	55.042
2	Doanh thu khác (Ngoài Doanh thu từ dịch vụ công ích đô thị)	20.021	20.421	21.442	22.514	23.640
	Tổng cộng	66.636	67.968	71.367	74.935	78.682

- Doanh thu hàng năm của công ty chiếm tỷ trọng lớn từ việc cung ứng các loại hình dịch vụ công ích đô thị do UBND tỉnh, thành phố Hưng Yên đặt hàng, giao nhiệm vụ. Do điều kiện ngân sách còn nhiều khó khăn nên nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động dịch vụ công ích đô thị hàng năm không tương xứng với khối lượng; kinh phí qua các năm thực tế mới chỉ đáp ứng được khoảng 45 - 50% so với giá trị theo định mức của nhà nước và đơn giá của tỉnh ban hành; trong khi đó, khối lượng công việc mỗi năm một tăng do mở rộng địa giới hành chính và các công trình công cộng đầu tư mới hoàn thành được đưa vào sử dụng. Chính vì vậy, dự toán dịch vụ công ích đô thị hàng năm phải cắt giảm cả về đơn giá và tần suất thực hiện ở nhiều nội dung công việc; giá phê duyệt không bao gồm lợi nhuận định mức.

- Chỉ tiêu Doanh thu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau khi cổ phần hóa dự kiến: Hai năm đầu tăng 2%, từ năm thứ ba tăng bình quân 5% so với năm trước. Chỉ tiêu này được xây dựng trên cơ sở dự kiến nguồn ngân sách được kỳ vọng nâng cao hơn hàng năm, nhưng chủ yếu phải thực hiện mở rộng các loại hình kinh doanh dịch vụ khác để đảm

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

bảo được với mức doanh thu tăng.

(*) **Thuyết minh chỉ tiêu “Tổng chi phí” sau cổ phần hóa**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Chi phí tiền lương	29.560	31.326	33.879	37.388	41.077
2	Các khoản đóng góp (*)	7.098	7.240	7.385	7.533	7.683
3	Chi phí vật tư trực tiếp	8.643	8.816	9.257	9.720	10.206
4	Chi phí Nhiên, nguyên vật liệu	3.489	3.559	3.737	3.924	4.120
5	Tiền điện	5.820	5.820	6.000	6.000	6.000
6	Khấu hao TSCĐ	6.276	6.276	6.276	6.276	6.276
7	Chi phí quản lý chung	644	676	710	745	782
8	Chi phí khác	5.062	4.211	4.077	3.301	2.484
	Tổng cộng	66.594	67.925	71.322	74.888	78.632

(*) *Mức lương tối thiểu vùng năm 2019 tăng so với 2018 5,1%(Vùng II) dẫn tới các khoản đóng góp tăng tương ứng*

- Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: Chi phí tiền lương, tiền công; chi phí vật tư; nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất và chi phí quản lý chung chiếm từ 80 – 85 % tổng chi phí.

Với đặc thù hoạt động của công ty, nhiệm vụ chủ yếu là cung ứng các loại hình dịch vụ công ích đô thị, hoạt động sản xuất chủ yếu là lao động giản đơn như công nhân quét vệ sinh đường phố, chăm sóc cây xanh, phục vụ tang lễ, quản lý các công trình công cộng đô thị; vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh chủ yếu là tiền lương, tiền công; các nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí quản lý chung với cơ cấu cụ thể:

- + Chi phí tiền lương, tiền công chiếm từ 48- 54% ;
- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm từ 20 -25% ;
- + Chi phí quản lý chung và chi phí khác chiếm từ 10-13 %.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Đối với loại hình Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích đô thị thì chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc vốn chủ sở hữu thực có phải trích và tính trong chi phí thường chi chiếm tỷ trọng khoảng 3 – 5% vì loại tài sản cố định chỉ bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Tuy nhiên, với công ty, giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán tại ngày 31/12/2017 công ty cổ phần có nhu cầu tiếp tục sử dụng là 106.227.262.513 đồng, trong đó giá trị còn lại tài sản là các công trình thoát nước công cộng phục vụ chung cho thoát nước đô thị là 58.326.606.305 đồng (Chiếm 54,91%). Theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với nhóm tài sản: Kè, đập, cống, kênh, mương máng có thời gian khấu hao từ 6 năm đến 30 năm. Như vậy, nếu tính mức khấu hao tối đa của riêng nhóm tài sản hệ thống thoát nước đô thị được bàn giao sang công ty cổ phần là 30 năm thì mức trích khấu hao hàng năm ước khoảng trên 3,1 tỷ đồng/năm. (Có Phụ lục 1 - Bảng tính toán chi tiết kèm theo).

Từ phân tích nêu trên, theo tính toán, chi phí khấu hao tài sản cố định của công ty sau cổ phần hàng năm chiếm tỷ trọng rất lớn từ 8 – 10% tổng chi phí.

(*) Thuyết minh chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” sau cổ phần hóa

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế được tính bằng công thức lấy Tổng doanh thu trừ đi Tổng chi phí tính theo từng năm; trong bảng số liệu tính toán kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa thể hiện rõ mức gia tăng doanh thu kỳ vọng trung bình từ 5 – 7% nhưng kết quả chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là số có lãi rất thấp (gần như không có lãi) vì các lý do sau:

- Nguồn kinh phí bố trí hàng năm cho dịch vụ công ích đô thị hàng năm không tăng tương xứng với khối lượng, trong khi khối lượng công việc mỗi năm một tăng, từ đó đơn giá dự phải cắt giảm chi phí khấu hao và lợi nhuận định mức do điều kiện ngân sách còn nhiều khó khăn. Chính vì vậy, mọi chi phí khấu hao theo quy định vẫn phải đảm bảo mà không có trong cơ cấu đơn giá.
- Sau cổ phần hóa, chi phí khấu hao tài sản cố định lớn do phải trích khấu hao đối với khối tài sản là các công trình phục vụ chung cho thoát nước đô thị có giá trị là 58.326.606.305 đồng (Chiếm 54,91% tổng tài sản), mức trích khấu hao hàng năm ước khoảng trên 3,1 tỷ đồng/năm; trong khi đó xét về tính chất tài sản cổ phần hóa thì tài sản các công trình thoát nước đô thị là tài sản công cộng, có cùng tính chất như các công trình cây xanh, chiếu sáng mà trước đây Công ty TNHH một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên chỉ theo dõi là loại tài sản giữ hộ, quản lý hộ để phục vụ công ích, không mang tính sinh lời; chỉ tính hao mòn chứ không tính khấu hao.

Mặt khác, dự toán dịch vụ thoát nước được phê duyệt hàng năm chỉ đảm bảo được 5.026.592.000 đồng năm 2017 và 5.601.060.000 đồng năm 2018, là chi phí trực tiếp cho công tác nạo vét thực tế, không đảm bảo để trích khấu hao tài sản./.

3. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa.

Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

- Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.

- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và cán bộ công nhân viên. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần không có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.

- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kien toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

- Có chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội Đồng Quản Trị (HDQT), Ban Kiểm Soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HDQT, Ban Kiểm Soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về Công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của Công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.

- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.

- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố nhân sự một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống của họ được ổn định hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

⚡ Về lao động

- Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ, tay nghề và phẩm chất tốt về làm việc. Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc. Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi trường cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ nếu không muốn bị đào thải.
- Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách với người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như: phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.

⚡ Quản lý nguồn vốn và tài chính

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;
- Đối với công tác theo dõi công nợ: Công ty sẽ tăng cường những biện pháp quản lý theo dõi nợ phải thu. Rà soát, kiểm tra đốc thúc thu hồi công nợ nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vòng vốn lưu động cho Công ty. Với các khoản nợ phải

trả thì cần phải rà soát ưu tiên cho việc thanh toán và trả các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ theo lộ trình, cam kết, từng bước hoàn thiện các cân cân về tỷ số tài chính.

- Đối với hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh: Thực hiện việc thanh lý các tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc lạc hậu, xây dựng, cải tạo, mở rộng quy mô nhà xưởng chế biến, đầu tư và mua sắm máy móc, thiết bị đảm bảo chất lượng, hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất.

- Đối với quá trình kiểm soát chi phí: Triển khai các biện pháp xây dựng dự toán chi phí, định mức nguyên nhiên liệu, nhân công. Xây dựng các qui chế quản lý về chi phí, đảm bảo các định mức sản xuất phù hợp. Tiến hành xây dựng và ban hành qui chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu từ đó để giảm giá thành sản xuất, nâng cao lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh, thực hiện các chính sách thưởng, phạt trong việc thực hiện tiết kiệm chi phí, tuyên truyền, phổ biến thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

⚡ Giải pháp về khoa học công nghệ

- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất. Nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ, từng bước nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng.

4. Phân tích các rủi ro dự kiến

4.1 Rủi ro về kinh tế

- Kinh tế Việt Nam và thế giới vẫn còn chưa thoát khỏi suy thoái. Việc cổ phần hóa và chào bán cổ phần ra công chúng lần đầu vào thời điểm này sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định, đặc biệt là đối với công ty TNHH một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên có tỷ suất lợi nhuận không cao. Mặt khác tâm lý của nhà đầu tư chưa thực sự ổn định, đang chờ đợi những chuyển biến tích cực từ nền kinh tế. Mặt khác, Hưng Yên là một tỉnh nhỏ, thành phố Hưng Yên có vị trí địa lý không thuận lợi, giao thương, buôn bán kém, về lâu dài không có hướng phát triển được coi là thế mạnh nên xét về mặt giá trị lợi thế của doanh nghiệp gần như không có. Hơn nữa theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại công văn số 2080/TTg-ĐMDN ngày 12/11/2015 thì công ty thực hiện cổ phần hóa nhà nước nắm giữ dưới 50% tổng số cổ phần; giá trị doanh nghiệp được phê duyệt lớn, hiệu suất sinh lời thấp nên dự báo cổ phần chào bán trên thị trường sẽ khó khăn.

Nhu cầu về một môi trường xanh- sạch- đẹp, các dịch vụ công cộng hiện đại luôn gắn liền với mức độ tăng trưởng của nền kinh tế và sự phát triển của xã hội. Sự phục hồi của nền kinh tế là điều kiện tốt cho sự đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật bao gồm cải tạo môi trường cảnh quan, xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, hệ thống cây xanh trong thành phố...Hơn nữa, trình độ phát triển của Việt Nam vẫn còn tương đối thấp, đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng hiện vẫn là nhu cầu thiết yếu của Chính phủ để đảm

bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

4.2 Rủi ro pháp lý

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, nên việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng, hệ thống văn bản pháp quy nói chung.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường,...). Dự kiến các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn. Sự thay đổi sẽ phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý. Tuy nhiên, có thể thấy rằng cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế, hệ thống pháp lý cũng sẽ ngày càng được hoàn thiện hơn, các thủ tục hành chính cũng thông thoáng hơn. Do đó, hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực công ích, bảo vệ môi trường nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung hứa hẹn sẽ có một hành lang pháp lý vững chắc và rõ ràng hơn.

4.3 Rủi ro đặc thù

Công ty chủ yếu cung ứng các dịch vụ công ích đô thị, chăm sóc hệ thống cây xanh, cảnh quan thành phố, quản lý hệ thống chiếu sáng điện đường, hệ thống thoát nước đô thị của thành phố. Khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng, một năm có khoảng 5-7 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp vào khu vực, mùa mưa kéo dài trung bình 3 tháng / năm. Hệ thống cơ sở hạ tầng: hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng được đầu tư không đồng bộ, nhiều hệ thống xuống cấp nghiêm trọng... Nhìn chung, với khí hậu đặc trưng vào mùa mưa lũ, gió bão và cơ sở hạ tầng yếu có thể tàn phá hệ thống cây xanh và gây đổ hệ thống đèn đường chiếu sáng, tiêu thoát chậm gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty và đây cũng là yếu tố khách quan không thể tránh khỏi.

4.4 Rủi ro của đợt chào bán

Cùng với những khởi sắc của nền kinh tế hàng hóa, thị trường Chứng khoán Việt Nam đang dần ổn định và tăng trưởng trở lại vào hai tháng đầu năm 2018. Tuy vậy, thị trường vẫn đang tiềm ẩn những lo ngại về sự rút lui của các dòng tiền đầu cơ khiến thanh khoản của thị trường sụt giảm trong quý II. Do đó việc chào bán cổ phần ra công chúng vào thời điểm này có thể gặp một số khó khăn nhất định. Tuy nhiên, những phản ứng tích cực của nền kinh tế với các chính sách điều tiết của Chính phủ thời gian gần đây và niềm tin của các nhà đầu tư hứa hẹn sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán trong thời gian sắp tới.

PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên được UBND Tỉnh Hưng Yên phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức thực hiện đề án theo kế hoạch tiến độ cụ thể như sau:

1. Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và tổ chức thu tiền của các Nhà đầu tư trúng đấu giá.
2. Tổ chức bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên với giá 6.000 đồng/cổ phần theo quy định tại khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
3. Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có).
4. Báo cáo kết quả bán cổ phần ra bên ngoài cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên sau khi hoàn thành việc bán cổ phần.
5. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập sau khi hoàn thành việc bán đấu giá cổ phần.
6. Đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần.
7. Tiến hành các thủ tục quyết toán, bàn giao vốn và tài sản sang Công ty cổ phần.

2. Đề xuất, kiến nghị.

Để sớm ổn định tổ chức và kinh doanh sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên và các Sở Ban ngành ban hành các quy định, chính sách phù hợp để các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực về dịch vụ môi trường đô thị khi mới chuyển đổi sang Công ty cổ phần hoạt động được thuận lợi, ổn định, cụ thể:

Thứ nhất, Để quá trình cổ phần hóa thành công và nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên và Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp cho ý kiến về việc sớm phê duyệt phương án cổ phần theo hình thức, quy mô và cơ cấu vốn điều lệ mà doanh nghiệp đã cân nhắc và lựa chọn phù hợp với chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, Để đảm bảo ổn định hoạt động của công ty, đảm bảo đời sống, việc làm của người lao động trong những năm đầu cổ phần hóa, đề nghị UBND tỉnh, UBND thành phố Hưng Yên tiếp tục thực hiện theo phương thức đặt hàng đối với các loại hình dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố trong thời gian 03 năm (*Từ năm 2019 đến năm 2021*).

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Thứ ba, Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định lâu dài sau khi chuyển thành công ty cổ phần nhằm tạo điều kiện ổn định về công việc cho cán bộ công nhân viên yên tâm làm việc qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ tư, Trong trường hợp không bán hết cổ phần theo phương án, kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên xem xét, điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên thành Công ty cổ phần theo quy định.

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động, nâng cao năng lực quản trị của công ty, thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên kính đề nghị Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định Pháp luật hiện hành.

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Kính trình Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp xem xét, quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất./.

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG QUỐC TRẦN

DỰ KIẾN TRÍCH KHẤU HAO NHÓM TÀI SẢN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC SAU CỎ PHẦN

TT	Tài sản thẩm định giá	Năm sử dụng	Niên hạn sử dụng (TT số 45/2013/TT-BTC)	Thời gian đã sử dụng	Thời gian khấu hao còn lại	Giá trị theo sổ sách kế toán (*)			Số tiền trích khấu hao hàng năm
						Nguyên giá	% GTCL	Giá trị còn lại	
			(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6) / (3)
I	Tài sản là các hệ thống thoát nước - Bộ phận thoát nước					92.502.043.709		58.326.606.305	3.162.291.687
1	Đường Tân Nhân	1998	30	20	10	191.930.897	25%	48.181.814	4.818.181
2	Ngõ từ D. Tân Nhân đến Đê	1998	30	20	10	61.197.403	26%	15.909.020	1.590.902
3	Đường Chi Lăng	1997	30	21	9	199.041.341	24%	47.452.998	5.272.555
4	Đường Tân Thị	1997	30	21	9	184.591.314	24%	44.005.312	4.889.479
5	Đường 266	1998	30	20	10	399.761.918	26%	103.904.994	10.390.499
6	Đường Bạch Đằng	1997	30	21	9	781.472.448	24%	186.296.334	20.699.593
7	Đường Dảng Giang	2000	30	18	12	210.051.107	31%	65.363.471	5.446.956
8	Đường Bãi Sậy	1997	30	21	9	1.431.983.967	24%	341.376.337	37.930.704
9	Ngõ 356 - Điện Biên 3	1998	30	20	10	52.685.869	26%	13.691.373	1.369.137
10	Ngõ 376 - Điện Biên 3	1998	30	20	10	79.218.033	26%	20.589.194	2.058.919
11	Ngõ 13 Nguyễn Du (Đến đường Bãi Sậy)	1998	30	20	10	123.274.360	25%	30.940.664	3.094.066
12	Ngõ Giếng Vọng Cung	1997	30	21	9	85.988.051	24%	20.499.364	2.277.707
13	Tuyến cống giữa khu dân cư đường Phan Đình Phùng và khu dân cư đường Chi Lăng	1998	30	20	10	156.059.935	26%	40.563.022	4.056.302
14	Đường Phan Đình Phùng	1997	30	21	9	599.360.801	24%	142.880.491	15.875.610
15	Ngõ 17 - Phan Đình Phùng	1998	30	20	10	281.590.814	26%	73.191.022	7.319.102
16	Đường Trần Bình Trọng	1997	30	21	9	234.750.715	24%	55.966.239	6.218.471
17	Đường Trần Quốc Toản	1998	30	20	10	400.885.456	26%	104.198.333	10.419.833
18	Đường Nguyễn Du	1998	30	20	10	765.593.648	26%	198.982.338	19.898.234
19	Đường Trung Nhị	1998	30	20	10	453.060.143	25%	113.740.102	11.374.010
20	Đường Phạm Ngũ Lão	1998	30	20	10	4.091.900.982	26%	1.063.529.356	106.352.936
21	Đường Trung Trắc	1998	30	20	10	1.319.324.687	26%	342.898.233	34.289.823
22	Đường Điện Biên	1998	30	20	10	2.163.587.122	26%	562.342.829	56.234.283
23	Đường Chùa Chuông	1998	30	20	10	402.323.926	26%	104.563.123	10.456.312
24	Đường Đoàn Thị Điểm	2003	30	15	15	374.974.015	51%	192.107.762	12.807.184
25	Tuyến cống ở giữa khu dân cư đường Đoàn Thị Điểm và đường Chùa Chuông	2003	30	15	15	276.627.273	51%	141.728.706	9.448.580
26	Đường Nguyễn Thiện Thuật	1997	30	21	9	2.040.690.473	24%	486.485.009	54.053.890
27	Ngõ Nguyễn Thiện Thuật nối Phạm Huy Thông	2002	30	16	14	800.726.900	45%	363.564.600	25.968.900

TT	Tài sản thẩm định giá	Năm sử dụng	Niên hạn sử dụng (TT số 45/2013/TT-BTC)	Thời gian đã sử dụng	Thời gian khấu hao còn lại	Giá trị theo sổ sách kế toán (*)			Số tiền trích khấu hao hàng năm
						Nguyên giá	% GTCL	Giá trị còn lại	
28	Ngõ Nguyễn Thiện Thuật nối Nguyễn Công Hoan	2002	30	16	14	258.367.429	44%	114.933.742	8.209.553
29	Đường Phạm Huy Thông	1998	30	20	10	199.830.540	26%	51.938.091	5.193.809
30	Đường Vũ Trọng Phụng	2003	30	15	15	320.631.091	50%	161.295.845	10.753.056
31	Đường Nguyễn Công Hoan	2003	30	15	15	226.392.949	50%	113.889.360	7.592.624
32	Đường Lê Lai	2003	30	15	15	392.342.403	51%	201.006.514	13.400.434
33	Đường sau Bưu Điện (không tính đoạn Quảng Trường)	2003	30	15	15	430.857.962	51%	220.733.452	14.715.563
34	Đường Nguyễn Trãi	2002	30	16	14	816.871.073	45%	370.892.611	26.492.329
35	Đường Hồ Xuân Hương	2002	30	16	14	315.707.020	45%	143.346.314	10.239.022
36	Đường Nguyễn Huệ	2006	30	12	18	306.033.955	71%	216.371.210	12.020.623
37	Tuyến cống ở giữa khu dân cư đường Nguyễn Huệ và đường Tô Hiệu	2006	30	12	18	359.615.455	71%	254.254.589	14.125.255
38	Đường Nguyễn Thiện Thuật (từ đường Điện Biên đến đường Nguyễn Đình Nghi)	1998	30	20	10	502.764.211	26%	130.673.274	13.067.327
39	Đường Nguyễn Đình Nghi	2005	30	13	17	275.004.267	65%	178.247.412	10.485.142
40	Đường Phó Đức Chính	2002	30	16	14	420.265.411	45%	190.821.311	13.630.094
41	Đường Bà Triệu	2002	30	16	14	858.530.881	45%	389.808.032	27.843.431
42	Đường Dương Quảng Hàm	2002	30	16	14	319.320.425	45%	144.987.634	10.356.260
43	Đường nối từ Ngõ Chợ Phố Hiến ra đường Nguyễn Thiện Thuật	2003	30	15	15	307.940.915	51%	157.766.246	10.517.750
44	Tuyến cống giữa dân cư đường Nguyễn Thiện Thuật và đường Ngõ Chợ Phố Hiến	2003	30	15	15	65.061.818	51%	33.333.734	2.222.249
45	Đường Ngõ Chợ Phố Hiến ra đường Bà Triệu	2003	30	15	15	185.939.202	51%	95.263.120	6.350.875
46	Tuyến cống giữa dân cư đường Bà Triệu và đường Bắc Thành	2000	30	18	12	70.483.636	31%	21.932.180	1.827.682
47	Tuyến cống giữa dân cư đường Đông Thành và phố Đức Chính	2000	30	18	12	103.014.545	32%	32.988.174	2.749.015
48	Đường nối Đông Thành ra đường Nguyễn Đình Nghi	2003	30	15	15	290.780.242	51%	148.973.312	9.931.554
49	Đường Đông Thành	1998	30	20	10	696.468.749	26%	181.019.040	18.101.904
50	Đường Bắc Thành	1998	30	20	10	502.806.215	26%	130.682.498	13.068.250
51	Đường Bùi Thị Cúc	1998	30	20	10	269.914.930	26%	70.148.559	7.014.856
52	Đường Hoàng Văn Thụ	1998	30	20	10	241.634.591	26%	62.800.487	6.280.049
53	Đường Kim Đồng	1998	30	20	10	141.977.682	26%	36.900.893	3.690.089
54	Đường cửa Nhà Ông Ván	1998	30	20	10	53.390.202	26%	13.876.261	1.387.626
55	Đường Tây Thành	1998	30	20	10	426.452.825	26%	110.840.651	11.084.065
56	Đường Nguyễn Quốc Ân	1998	30	20	10	104.130.886	26%	27.064.997	2.706.500
57	Đường Tống Trân	2002	30	16	14	483.616.988	45%	219.579.290	15.684.235

TT	Tài sản thẩm định giá	Năm sử dụng	Niên hạn sử dụng (TT số 45/2013/TT-BTC)	Thời gian đã sử dụng	Thời gian khấu hao còn lại	Giá trị theo sổ sách kế toán (*)			Số tiền trích khấu hao hàng năm
						Nguyên giá	% GTCL	Giá trị còn lại	
58	Đường Phố Hiến + đường Chân Đê	2002	30	16	14	747.807.194	63%	470.360.138	33.597.153
59	Đường Mậu Dương	2005	30	13	17	496.756.688	77%	382.363.160	22.491.951
60	Đường Phố Hiến rưỡi	2007	30	11	19	336.749.318	65%	219.884.935	11.572.891
61	Đường Phố Hiến rưỡi	2005	30	13	17	1.735.214.870	69%	1.205.838.366	70.931.669
62	Đường An Vũ	2006	30	12	18	285.570.218	52%	148.292.348	8.238.464
63	Đường nối An Vũ với đường Hải Thượng Lãn Ông (ở bên trái bệnh viện mắt)	2003	30	15	15	845.909.018	51%	433.372.067	28.891.471
64	Đường dân cư mới Hiến Nam	2003	30	15	15	6.030.250.686	50%	3.033.535.173	202.235.678
65	Đường Hải Thượng Lãn Ông	2003	30	15	15	623.335.555	50%	313.575.899	20.905.060
66	Đường Chu Văn An	2003	30	15	15	1.299.954.905	46%	593.742.549	39.582.837
67	Khu vực trường Trung Cấp Y	2002	30	16	14	107.582.493	27%	29.038.073	2.074.148
68	Ngõ số 2 đường Phạm Ngũ Lão	1999	30	19	11	242.054.443	32%	76.735.191	6.975.926
69	Ngõ 12 đường Phạm Ngũ Lão (phía sau Công ty)	2000	30	18	12	585.976.259	27%	155.762.273	12.980.189
70	Đường Nam Thành	1998	30	20	10	159.806.312	26%	41.535.699	4.153.570
71	Ngõ 46 đường Trung Trắc	2003	30	15	15	2.734.922.042	50%	1.375.834.346	91.722.290
72	Tuyến công nôi ao hồ Nông Lâm sang hồ An Vũ I	2000	30	18	12	241.936.991	32%	77.473.341	6.456.112
73	Tuyến công nôi từ đường Chùa Đông tới đường Đoàn Thị Điểm	2003	30	15	15	194.606.481	51%	99.701.833	6.646.789
74	thăng với công công viên	2005	30	13	17	3.569.256.771	64%	2.280.091.955	134.123.056
75	Tuyến công xung quanh Hồ An Vũ II	2002	30	16	14	87.359.236	45%	39.665.369	2.833.241
76	Đường nối đường Tô Hiệu với đường Nguyễn Huệ ra hồ	2000	30	18	12	364.724.898	32%	116.786.301	9.732.192
77	Tuyến công nôi từ tuyến công Nguyễn Thiện Thuật (tính từ đường Điện Biên đến Hồ An Vũ II)	1998	30	20	10	797.802.505	26%	207.357.046	20.735.705
78	Tuyến công nôi từ An Vũ I với hồ An Vũ II	2006	30	12	18	777.964.141	71%	550.046.310	30.558.128
79	Khu tái định cư Bắc bến xe	2004	30	14	16	68.299.999	54%	37.078.459	2.317.404
80	Đường sau Trung tâm giới thiệu việc làm	2006	30	12	18	84.226.531	61%	51.645.168	2.869.176
81	Đường Triệu Quang Phục	2005	30	13	17	5.517.774.647	64%	3.524.830.344	207.342.961
82	Khu vực Quảng Trường	2002	30	16	14	488.993.486	44%	217.517.731	15.536.981
83	Đ. Nguyễn Trọng Tấn	2002	30	16	14	398.219.478	44%	177.144.946	12.653.210
84	Đường nói từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Nhân Dục	2005	30	13	17	501.349.691	64%	320.262.043	18.838.944
85	Đường Phạm Ngũ Lão kéo dài	2007	30	11	19	272.771.648	78%	211.512.530	11.132.238
86	Đường Công phi trong vườn cây đường Phạm Bạch Hồ	2005	30	13	17	407.830.042	64%	260.527.765	15.325.163
87	Đường Nam Sơn	2006	30	12	18	217.983.043	71%	154.122.310	8.562.351
88	Đường ABC	2011	30	7	23	1.925.148.000	93%	1.797.699.276	78.160.838
	Hệ thống thoát nước đường phía Nam Đài truyền hình tỉnh								

TT	Tài sản thẩm định giá	Năm sử dụng	Niên hạn sử dụng (TT số 45/2013/TT-BTC)	Thời gian đã sử dụng	Thời gian khấu hao còn lại	Giá trị theo sổ sách kế toán (*)			Số tiền trích khấu hao hàng năm
						Nguyên giá	% GTCL	Giá trị còn lại	
89	Hệ thống thoát nước bổ sung của đường Bạch Đằng và đường Phạm Ngũ Lão	2012	30	6	24	321.988.399	94%	303.251.555	12.635.481
90	Hệ thống thoát nước đường cạnh Ngân hàng đầu tư TPHY	2012	30	6	24	1.281.554.000	94%	1.209.739.244	50.405.802
91	Hệ thống thoát nước đường chùa chuông	2012	30	6	24	6.913.746.000	94%	6.526.317.564	271.929.899
92	Hệ thống thoát nước đường Tây Đài truyền hình tỉnh	2012	30	6	24	3.944.997.000	94%	3.723.927.120	155.163.630
93	Tuyến cống hộp từ đường Triệu Quang Phục đến đường Chùa Chuông	2012	30	6	24	3.351.122.000	94%	3.165.736.868	131.905.703
94	Hệ thống thoát nước đường Trung Trắc	2012	30	6	24	401.569.000	94%	379.353.372	15.806.391
95	Hệ thống thoát nước mới trên các tuyến đường Điện Biên, Nguyễn Thiện Thuật và Lê Lai	2012	30	6	24	3.386.634.000	94%	3.199.282.464	133.303.436
96	Cụm hồ ga thoát nước khu vực Nam Đình Diên và đường Trung Trắc	2012	30	6	24	330.534.000	94%	312.249.344	13.010.389
97	Cụm hồ ga ngăn mùi kiểu mới trên các tuyến đường Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Đoàn Thị Điểm	2012	30	6	24	1.485.851.978	94%	1.403.654.142	58.485.589
98	Hệ thống thoát nước đường Bạch Đằng	2013	30	5	25	1.132.046.000	95%	1.073.535.940	42.941.438
99	Hệ thống thoát nước công thái giữa 2 khu dân cư	2015	30	3	27	1.339.700.000	95%	1.277.200.004	47.303.704
100	Sửa chữa, thay thế tuyến cống thái giữa 2 khu dân cư đường Chùa Chuông và đường Đoàn	2015	30	3	27	3.965.139.000	96%	3.786.987.596	140.258.800
101	Sửa chữa, thay thế và lắp đặt cụm hồ ga ngăn mùi kiểu mới trên các tuyến đường Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Trung Trắc, Đông Thành và Bùi Thị Cúc	2015	30	3	27	1.909.718.000	96%	1.823.915.384	67.552.422
102	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước khu phố Bắc Thành	2015	30	3	27	641.779.000	96%	616.067.112	22.817.300
103	Xây dựng bổ sung hệ thống thoát nước đường Phạm Bạch Hồ	2016	30	2	28	570.110.000	96%	548.253.136	19.580.469
104	Hệ thống tiêu thoát nước thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng	2016	30	2	28	1.268.615.647	96%	1.222.481.643	43.660.059
	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước khu dân cư ngõ 44 và khu tập thể công ty nhựa Hưng Yên, đường Trưng Nhị, phường Lê Lợi, Hưng Yên								